

ĐIỂM THI CUỐI HỌC KỲ 2 - KHỐI 10

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	
1	000003	Nguyễn Thanh Đạt	17/05/2009	10A1	5.80	3	8.8	5.8	0.5	3.60	2.9	7	6.75	3	9.75	6.00	3	9				6.25	2.5	8.75						
2	000005	Mai Phúc Khang	07/05/2009	10A1	5.60	3	8.6	6.5	0.4	3.75	2.6	6.75	6.50	3	9.5	6.00	2	8				6.50	2	8.5						
3	000006	Vũ Thành Long	26/05/2009	10A1	3.65	2.5	6.15	5.5	0.6	5.40	2.9	8.9	4.75	0.5	5.25	6.00	1.5	7.5				4.75	1.25	6						
4	000008	Bùi Thanh Sơn	18/05/2009	10A1	3.45	3	6.45	5	0.7	4.05	3	7.75	5.25	2.5	7.75	4.50	1.75	6.25				4.25	1	5.25						
5	000010	Nguyễn Huỳnh Anh Trúc	08/06/2009	10A1	4.40	3	7.4	7.3	0.5	4.20	2.5	7.2	5.00	2.75	7.75	4.50	1.75	6.25				4.50	2	6.5						
6	000014	Vũ Minh Hiếu	17/11/2009	10A1	5.60	2.5	8.1	5.5	0.4	4.65	2.3	7.35	5.50	2.5	8	6.25	1.5	7.75				6.75	2.5	9.25						
7	000021	Cao Tuấn Anh	19/01/2009	10A1	4.45	2.75	7.2	6	0.5	4.80	2.4	7.7	6.75	2	8.75	5.50	2	7.5				4.75	2.5	7.25						
8	000022	Nguyễn Bảo Chánh	05/03/2009	10A1	5.85	3	8.85	6.8	0.5	4.35	2.5	7.35	7.00	3	10	6.25	3	9.25				6.75	2.75	9.5						
9	000025	Phạm Minh Khang	07/10/2009	10A1	2.90	2.25	5.15	4.8	0.6	3.90	1.5	6	4.75	1.25	6	4.50	2	6.5				4.25	0.5	4.75						
10	000028	Nguyễn Lưu Tấn Tài	26/04/2009	10A1	3.25	2.25	5.5	2.5	0.4	3.90	1.4	5.7	4.00	0.75	4.75	4.25	1.25	5.5				3.25	1.25	4.5						
11	000030	Nguyễn Ngọc Tuấn Tú	31/01/2009	10A1	5.90	2.75	8.65	3.5	0.4	4.95	3	8.35	6.75	3	9.75	6.75	2.5	9.25				6.00	2.25	8.25						
12	000034	Huỳnh Duy Huy Hoàng	10/04/2009	10A1	5.10	3	8.1	4.8	0.6	4.05	2.6	7.25	5.75	2	7.75	3.85	2	5.85				4.00	2	6						
13	000037	Bùi Hiếu Phong	05/05/2009	10A1	5.10	3	8.1	6.3	0.2	3.75	2.3	6.25	6.00	3	9	5.85	2.25	8.1				6.00	2	8						
14	000038	Nguyễn Thành Tài	20/10/2009	10A1	4.90	3	7.9	5.8	0.7	4.50	1.1	6.3	1.5	2.5	4	4.00	1	2.5				4.50	2	6.5					VPQCT	
15	000039	Nguyễn Đức Thuận	03/01/2009	10A1	4.40	3	7.4	6.3	0.6	3.30	1.1	5	5.75	2	7.75	5.25	1.5	6.75				5.25	2	7.25						
16	000041	Nguyễn Bảo Châm Anh	03/04/2009	10A1	4.30	3	7.3	6.3	0.6	3.90	1.5	6	6.00	2	8	3.75	1.75	5.5				4.25	2	6.25						
17	000042	Nguyễn Thành Danh	07/11/2009	10A1	5.60	2.25	7.85	5.8	0.5	4.50	2.2	7.2	5.25	2.5	7.75	5.00	2.25	7.25				5.00	2	7						
18	000044	Phạm Minh Nhật Hoàng	07/12/2009	10A1	5.80	3	8.8	3.5	0.8	4.65	3	8.45	6.00	3	9	4.00	2	6				4.00	2.25	6.25						
19	000049	Trần Phước Thuận	06/10/2009	10A1	4.80	3	7.8	4	0.4	4.05	1.2	5.65	6.75	2	8.75	4.25	1.75	6				5.00	2.25	7.25						
20	000050	Đào Mạnh Tuấn	02/07/2009	10A1	3.80	3	6.8	5	0.5	2.55	1.5	4.55	4.50	1.75	6.25	5.25	1.25	6.5				6.00	1.75	7.75						
21	000051	Nguyễn Ngọc Phương Anh	11/07/2009	10A1	3.55	2	5.55	5	0.5	3.30	1.3	5.1	4.00	0.5	4.5	4.00	0.5	4.5				5.00	0.75	5.75						
22	000052	Bùi Tiến Dũng	06/03/2009	10A1	4.45	3	7.45	5.5	0.5	3.30	1.7	5.5	6.00	1.75	7.75	5.25	1.75	7				5.00	2.5	7.5						
23	000057	Lưu Hồng Phú	30/12/2009	10A1	5.30	3	8.3	5.3	0.6	4.20	1.7	6.5	3.75	1	4.75	4.50	1.75	6.25				5.50	2	7.5						
24	000059	Phạm Vũ Thụy	14/07/2009	10A1	4.60	2	6.6	4	0.8	3.45	1.7	5.95	5.50	0.75	6.25	4.50	0.5	5				4.75	1	5.75						
25	000060	Tổng Quốc Tuấn	08/03/2009	10A1	6.30	3	9.3	6	0.7	4.80	3	8.5	6.75	3	9.75	6.50	3	9.5				7.00	2.25	9.25						
26	000063	Văn Huỳnh Khánh Hào	19/12/2009	10A1	5.30	3	8.3	6.8	0.5	4.50	2.1	7.1	6.25	3	9.25	5.00	2.5	7.5				6.50	2.5	9						
27	000066	Nguyễn Bảo Ngọc	08/05/2009	10A1	5.40	2.25	7.65	4	0.3	3.75	2.2	6.25	5.75	3	8.75	6.00	2.75	8.75				5.50	1.5	7						
28	000069	Lâm Thị Thủy Tiên	14/02/2009	10A1	4.20	3	7.2	5.5	0.6	3.60	1.4	5.6	4.00	2	6	3.75	0.25	4				5.25	0.75	6						
29	000070	Lê Thị Cẩm Vân	24/04/2009	10A1	5.80	2.5	8.3	5.3	0.4	3.75	2.5	6.65	5.75	3	8.75	6.00	1.5	7.5				6.50	2.5	9						
30	000072	Lê Hoàng Duy	07/10/2008	10A1	5.35	2	7.35	4.8	0.6	3.30	2.1	6	5.00	3	8	3.25	1.25	4.5				4.50	2.25	6.75						
31	000074	Nguyễn Việt Hùng	14/07/2009	10A1	3.90	2.75	6.65	5.3	0.4	3.45	2.1	5.95	5.50	1	6.5	3.00	1	4				5.25	2.25	7.5						
32	000078	Nguyễn Thành Tâm	16/11/2009	10A1	4.90	3	7.9	5	0.7	3.75	2.3	6.75	5.75	2.5	8.25	5.75	1.5	7.25				6.00	2.5	8.5						
33	000079	Nguyễn Quang Tiến	18/07/2009	10A1	5.80	3	8.8	6.3	0.4	4.65	2.1	7.15	6.00	3	9	6.25	2.25	8.5				4.75	2.5	7.25						
34	000083	Phạm Bùi Gia Hân	18/01/2009	10A1	2.15	2.5	4.65	5	0.5	3.60	0.6	4.7	3.75	0.5	4.25	4.00	0.75	4.75				5.00	2.5	7.5						
35	000086	Nguyễn Hoài Nhân	10/11/2009	10A1	4.00	2	6	4.3	0.5	4.35	2.6	7.45	4.25	0.25	4.5	3.00	0.5	3.5				4.50	1	5.5						
36	000088	Tạ Thanh Tân	13/03/2009	10A1	5.10	1.5	6.6	4.8	0.8	3.45	1.2	5.45	4.75	1.25	6	5.00	2.5	7.5				6.00	2	8						
37	000092	Vũ Xuân Duy	04/04/2009	10A1	4.40	3	7.4	4.5	0.5	4.65	1.8	6.95	6.00	2.5	8.5	4.25	1.5	5.75				4.25	2.25	6.5						
38	000098	Nguyễn Ngọc Thái	28/07/2009	10A1	4.70	3	7.7	4.3	0.4	4.20	1.2	5.8	5.00	2	7	4.25	1	5.25				4.50	1	5.5						
39	000101	Jeha Phuong Nguyen Bacalla	10/10/2009	10A1	4.00	2.75	6.75	6.8	0.3	3.30	1.5	5.1	4.75	1.25	6	4.50	1.75	6.25				6.00	1.75	7.75						
40	000106	Trần Minh Nhật	20/03/2009	10A1	4.00	3	7	5.5	0.6	2.85	1.7	5.15	5.25	2	7.25	3.50	1.25	4.75				5.25	2	7.25						
41	000108	Trần Hùng Thanh	30/07/2009	10A1	4.20	2.5	6.7	6	0.4	3.45	2.4	6.25	5.00	2.5	7.5	5.25	1	6.25				5.25	2	7.25						
42	000109	Võ Thùy Trang	14/08/2009	10A1	5.60	3	8.6	7.3	0.7	4.05	2.4	7.15	4.00	1.5	5.5	5.25	1	6.25				4.75	2	6.75						
43	000121	Trần Lê Gia Bảo	06/11/2009	10A1	5.10	3	8.1	7.3	0.6	4.95	3	8.55	6.25	2.75	9	4.00	1.5	5.5				5.25	2	7.25						

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú	
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL		TC
44	000124	Nguyễn Thị Thu Huyền	27/11/2009	10A1	3.80	3	6.8	7	0.3	3.60	2.1	6	4.25	2.5	6.75	5.00	1.75	6.75				4.50	2	6.5							
45	000128	Bùi Hữu Thiện	27/04/2009	10A1	4.80	3	7.8	5	0.5	3.75	1.9	6.15	5.25	2.5	7.75	3.75	2	5.75				4.75	2	6.75							
46	000129	Nguyễn Thụy Bảo Trân	05/01/2009	10A1	4.80	3	7.8	6.8	0.6	3.60	1.8	6	5.50	1.5	7	4.75	1.75	6.5				5.25	2	7.25							
47	000131	Vũ Thái Bảo	24/04/2009	10A1	4.60	3	7.6	5.8	0.9	5.40	3	9.3	5.00	1	6	4.00	1.5	5.5				5.75	2	7.75							
48	000137	Hoàng Văn Trường Sa	18/11/2009	10A1	4.50	3	7.5	7.5	0.5	3.75	2.5	6.75	5.50	2.5	8	6.25	1.5	7.75				6.00	1.5	7.5							
49	000001	Nguyễn Phạm Hoàng An	16/06/2009	10A2	3.50	3	6.5	6	0.4	4.50	3	7.9	5.50	2.75	8.25	4.25	1.75	6				4.50	2	6.5							
50	000007	Trần Lê Minh Như	15/04/2009	10A2	4.15	2.5	6.65	6.8	0.3	4.20	2.9	7.4	5.00	2	7	3.60	1.5	5.1				5.25	1.25	6.5							
51	000015	Nguyễn Chí Khang	23/12/2009	10A2	3.1	0	3.1	8	0.4	4.6	1.7	6.7	4.00	2	6	5	0.5	5.5				3.50	3	6.5							
52	000016	Vũ Hoàng Minh	10/09/2009	10A2	4.20	3	7.2	5	0.2	4.05	3	7.25	5.25	2.75	8	4.75	2	6.75				4.00	2	6							
53	000017	Ngô Đình Phát	16/06/2009	10A2	1.85	0	1.85	7	0.7	3.6	0.1	4.4	5.50	1	6.5	7	1	8				1.50	3	4.5							
54	000018	Lê Hữu Tài	21/10/2009	10A2	4.00	3	7	5.3	0.3	3.75	2	6.05	4.50	2	6.5	5.00	1.25	6.25				4.00	2.5	6.5							
55	000019	Nguyễn Huỳnh Đức Thịnh	21/03/2009	10A2	3.50	1.5	5	5	0.3	3.90	1.8	6	5.00	2	7	5.00	0.5	5.5				5.50	2	7.5							
56	000020	Đặng Nhật Trường	15/04/2009	10A2	4.70	3	7.7	5	0.4	4.20	3	7.6	5.50	2.75	8.25	5.50	3	8.5				4.50	2	6.5							
57	000023	Nguyễn Anh Điệp	15/06/2009	10A2	4.00	2.5	6.5	5.8	0.6	2.55	2	5.15	5.25	2.5	7.75	5.50	1.75	7.25				3.75	1.25	5							
58	000024	Vũ Nguyễn Minh Hiếu	11/10/2009	10A2	5.25	3	8.25	7.3	0.5	4.65	2.8	7.95	6.50	3	9.5	6.75	3	9.75				7.00	2.25	9.25							
59	000026	Kim Bảo Nam	24/10/2009	10A2	3.50	1	4.5	4.8	0.6	4.05	0.6	5.25	4.75	1.25	6	6.00	2.25	8.25				4.50	1.75	6.25							
60	000029	Đặng Thanh Thuận	21/05/2009	10A2	3.60	2.25	5.85	6.5	0.6	4.20	2.6	7.4	5.25	2.25	7.5	4.25	0.75	5				6.00	2.25	8.25							
61	000031	Đinh Sỹ Đức Anh	15/04/2009	10A2	3.60	2.5	6.1	5	0.6	3.00	0.6	4.2	3.25	1.75	5	4.25	1.75	6				3.00	1	4							
62	000036	Nguyễn Kim Ngân	23/11/2009	10A2	4.80	3	7.8	6.5	0.3	4.50	2.5	7.3	6.25	2.5	8.75	5.75	2.25	8				6.00	2.5	8.5							
63	000040	Nguyễn Thành Tú	10/08/2009	10A2	4.20	2	6.2	5	0.3	3.45	2.4	6.15	5.75	2	7.75	3.85	0	3.85				6.25	2.5	8.75							
64	000047	Trần Thanh Phong	18/10/2009	10A2	4.10	3	7.1	5	0.5	4.95	2.6	8.05	5.25	2.25	7.5	5.25	2.25	7.5				5.50	2.25	7.75							
65	000048	Đặng Minh Tâm	01/06/2009	10A2	4.20	2	6.2	5.3	0.1	3.60	1.7	5.4	5.75	2	7.75	5.00	1	6				5.75	1.5	7.25							
66	000054	PHẠM MẠNH HÙNG	07/04/2009	10A2	4.40	2.5	6.9	4.8	0.3	4.20	2.9	7.4	5.50	2.5	8	4.50	2.25	6.75				5.50	2	7.5							
67	000056	Võ Nhân Nghĩa	06/04/2009	10A2	4.40	3	7.4	5	0.3	4.50	2.6	7.4	6.25	2.5	8.75	5.00	2	7				5.00	2.25	7.25							
68	000061	Vũ Hoàng Kim Anh	20/01/2009	10A2	3.50	2	5.5	5	0.5	3.75	1.5	5.75	5.00	1.25	6.25	4.00	0.75	4.75				4.75	1	5.75							
69	000062	Phạm Tấn Dũng	20/08/2009	10A2	4.20	3	7.2	4.5	0.7	4.35	2.2	7.25	5.50	2.25	7.75	3.60	1	4.6				4.50	0.5	5							
70	000064	Nguyễn Hoàng Xuân Hùng	09/09/2009	10A2	3.50	2	5.5	5.3	0.4	3.90	2	6.3	5.50	2.5	8	4.60	1	5.6				5.25	1.75	7							
71	000065	Phạm Duy Khôi	19/11/2009	10A2	3.40	2	5.4	6.3	0.6	3.30	3	6.9	5.25	0.75	6	5.10	1.25	6.35				6.00	2.25	8.25							
72	000076	Trần Ngọc Thái Nguyên	04/01/2009	10A2	5.10	3	8.1	5.5	0.6	5.40	2.5	8.5	6.25	3	9.25	6.00	2	8				6.25	2.5	8.75							
73	000077	Triệu Minh Phúc	16/05/2009	10A2	5.80	2.5	8.3	4.5	0.3	3.60	2.1	6	5.75	2.75	8.5	5.00	2.5	7.5				3.00	1	4							
74	000080	Nguyễn Hoàng Việt	11/05/2009	10A2	4.90	2.5	7.4	6	0.5	4.05	2.4	6.95	6.50	2.5	9	5.00	1.25	6.25				5.75	2.5	8.25							
75	000081	Nguyễn Thị APan	13/04/2009	10A2	5.50	3	8.5	5.3	0.4	4.50	1.8	6.7	6.75	2.5	9.25	5.75	2	7.75				5.25	2.25	7.5							
76	000084	Bùi Quốc Huy	31/07/2009	10A2	2.35	2	4.35	5	0.5	4.20	2.2	6.9	4.25	1.25	5.5	5.00	0.75	5.75				4.75	2.5	7.25							
77	000087	Nguyễn Lê Huyền Kim Phụng	06/05/2009	10A2	5.20	3	8.2	6.5	0.6	3.60	1.3	5.5	5.00	2.5	7.5	4.85	2	6.85				6.00	1.75	7.75							
78	000090	Phạm Nguyễn Quang Vinh	25/06/2009	10A2	3.70	2.25	5.95	4.8	0.6	4.80	2.3	7.7	6.25	1.75	8	5.25	2.5	7.75				5.00	2	7							
79	000091	Huỳnh Đại Ân	07/12/2009	10A2	5.60	3	8.6	4	0.2	3.60	2.8	6.6	6.25	3	9.25	4.25	2.75	7				5.25	2	7.25							
80	000093	Trần Võ Gia Hân	05/10/2009	10A2	4.00	2.25	6.25	6.8	0.7	4.65	3	8.35	4.50	2.25	6.75	5.00	2.5	7.5				4.25	2	6.25							
81	000095	Nguyễn Thị Thùy Linh	29/06/2009	10A2	5.00	2.5	7.5	7.5	0.5	4.50	2.6	7.6	5.75	2.5	8.25	6.00	2	8				5.75	2.5	8.25							
82	000096	Nguyễn Huỳnh Thành Nhân	01/06/2009	10A2	3.80	3	6.8	6	0.4	3.30	2.4	6.1	5.75	2.5	8.25	6.25	2.25	8.5				5.00	1.75	6.75							
83	000097	Ngô Nguyễn Vạn Phước	12/05/2009	10A2	4.90	2.5	7.4	5.3	0.4	3.75	2	6.15	5.75	2.5	8.25	4.75	1	5.75				4.00	2	6							
84	000099	Huỳnh Phúc Toàn	12/09/2009	10A2	4.15	2.5	6.65	5	0.5	3.75	1.1	5.35	4.75	1.75	6.5	4.50	2	6.5				5.50	2	7.5							
85	000100	Nguyễn Trọng VŨ	21/04/2009	10A2	4.50	3	7.5	6.3	0.7	4.35	1.2	6.25	6.75	2.5	9.25	5.00	1.25	6.25				5.50	2	7.5							
86	000105	Vũ Văn Linh	22/03/2009	10A2	3.50	2.5	6	5.3	0.6	3.75	2.5	6.85	4.50	1.25	5.75	5.25	1.5	6.75				5.75	1.75	7.5							
87	000113	Hồ Trọng Hiếu	09/09/2009	10A2	3.20	2.5	5.7	4.8	0.5	4.20	2.6	7.3	5.00	2.75	7.75	3.75	1.25	5				4.00	1.5	5.5							
88	000114	Nguyễn Tấn Gia Huy	04/11/2009	10A2	4.90	3	7.9	5.5	0.6	4.50	3	8.1	6.75	3	9.75	4.85	2	6.85				4.25	2	6.25							
89	000115	Đỗ Gia Long	04/10/2009	10A2	4.45	2.5	6.95	5.8	0.7	3.60	2.6	6.9	5.75	3	8.75	6.25	2.25	8.5				5.50	2	7.5							

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú	
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL		TC
90	000116	Hồ Nguyễn Tú Như	03/02/2009	10A2	4.60	3	7.6	7	0.3	3.90	2.3	6.5	5.00	2	7	5.00	0.75	5.75				5.00	2	7							
91	000117	Đỗ Mai Tấn Quốc	11/07/2009	10A2	2.55	2	4.55	6.5	0.5	4.35	3	7.85	3.50	1.75	5.25	5.25	1.25	6.5				4.00	2	6							
92	000119	Lại Vũ Huyền Trân	01/06/2009	10A2	4.10	1.5	5.6	7	0.6	3.15	3	6.75	4.50	1	5.5	3.50	2.25	5.75				3.00	2	5							
93	000130	Đặng Vũ Nghi Xuân	19/06/2009	10A2	6.50	3	9.5	8	0.6	4.65	2.6	7.85	7.00	3	10	6.00	2.75	8.75				6.50	2.5	9							
94	000133	Nguyễn Huỳnh Minh Hiếu	10/08/2009	10A2	5.30	3	8.3	7	0.3	3.60	2.7	6.6	6.50	3	9.5	5.50	2.5	8				4.25	1	5.25							
95	000136	Nguyễn Bạch Quỳnh Như	16/06/2009	10A2	3.30	3	6.3	7	0.4	4.65	3	8.05	6.00	2.75	8.75	5.25	2.5	7.75				6.25	2	8.25							
96	000002	Nguyễn Xuân Bắc	25/06/2009	10A3	2.75	2.5	5.25	6	0.7	5.25	2.4	8.35	6.00	3	9	6.75	2.25	9				4.25	1	5.25							
97	000004	Nguyễn Minh Hiếu	25/02/2009	10A3	3.65	3	6.65	5	0.6	4.50	2.9	8	5.75	2.5	8.25	5.25	0.75	6				3.75	2.25	6							
98	000009	Cao Triều Thịnh	14/06/2009	10A3	4.20	3	7.2	5.3	0.4	4.20	2.7	7.3	5.75	2.75	8.5	6.00	1.75	7.75				4.50	2	6.5							
99	000011	Bạch Kim Anh	16/10/2009	10A3	3.25	3	6.25	6.8	0.5	4.65	3	8.15	5.50	2.75	8.25	5.10	2	7.1				5.50	2.75	8.25							
100	000012	Phan Trí Bình	02/12/2009	10A3	3.80	3	6.8	6	0.5	4.95	3	8.45	5.25	2.75	8	5.50	1	6.5				5.25	0.75	6							
101	000013	Phạm Nguyễn Hải Đăng	08/11/2009	10A3	4.60	3	7.6	6.3	0.7	4.50	3	8.2	6.25	3	9.25	6.00	2.25	8.25				4.50	2	6.5							
102	000027	Nguyễn Thành Phát	17/10/2009	10A3	4.75	0	4.75	5.5	0.6	5.2	3	8.8	5.00	1.5	6.5	6	3	9				3.25	3	6.25							
103	000032	Nguyễn Ngọc Nhất Chung	01/07/2009	10A3	2.90	1.75	4.65	5	0.7	3.90	2.6	7.2	5.00	1.25	6.25	4.25	1.5	5.75				4.25	1	5.25							
104	000033	Hoàng Phúc Đông	26/12/2009	10A3	3.80	2.5	6.3	5.8	0.5	3.45	1.7	5.65	5.25	1.25	6.5	4.00	1.25	5.25				3.50	2	5.5							
105	000035	Võ Minh Khang	26/07/2009	10A3	5.10	3	8.1	5.3	0.4	4.50	2.8	7.7	5.25	1.5	6.75	5.25	2	7.25				5.25	1	6.25							
106	000043	Vũ Văn Đông	17/03/2009	10A3	3.50	3	6.5	5.8	0.5	3.45	2.4	6.35	5.50	3	8.5	4.35	2.5	6.85				4.50	2.25	6.75							
107	000045	Đặng Lê Anh Khôi	01/09/2009	10A3	2.30	2.25	4.55	4.5	0.6	4.20	2.7	7.5	4.75	2.25	7	3.25	0	1.6				4.25	0.5	4.75							VPQCT
108	000046	Trần Hoàng Đại Nghĩa	19/07/2009	10A3	3.25	3	6.25	5	0.6	4.35	2.2	7.15	6.25	2.75	9	5.75	2.75	8.5				5.25	2.5	7.75							
109	000053	Phùng Quý Đức	18/10/2009	10A3	3.40	2.5	5.9	5.5	0.5	3.90	2.3	6.7	5.75	2.5	8.25	6.50	2	8.5				4.75	1	5.75							
110	000055	Lê Cao Minh Khôi	10/03/2009	10A3	2.85	2.75	5.6	4.5	0.8	3.30	2.7	6.8	5.00	2.25	7.25	4.10	0	4.1				4.00	2	6							
111	000058	Huỳnh Thị Minh Tâm	29/01/2009	10A3	5.30	3	8.3	5.3	0.7	4.50	3	8.2	6.75	3	9.75	6.75	3	9.75				6.25	2.5	8.75							
112	000067	Lê Hoàng Phúc	30/11/2009	10A3	5.10	3	8.1	5.3	0.4	4.35	3	7.75	6.00	2.75	8.75	6.25	2.25	8.5				5.75	1.25	7							
113	000068	Lê Trần Mỹ Tâm	21/08/2009	10A3	3.05	2.5	5.55	4.5	0.5	4.20	2.5	7.2	5.50	2	7.5	5.50	1.75	7.25				6.25	2	8.25							
114	000071	Vũ Thị Phương Anh	14/06/2009	10A3	3.10	1.75	4.85	5	0.6	3.90	2.9	7.4	5.50	3	8.5	5.85	2	7.85				5.50	1.25	6.75							
115	000073	Nguyễn Phương Hân	28/12/2009	10A3	3.45	3	6.45	5.3	0.7	4.95	2.7	8.35	5.50	3	8.5	6.00	2	8				5.50	1	6.5							
116	000075	Lương Gia Kiệt	12/10/2009	10A3	3.05	2.5	5.55	5	0.7	3.75	1.7	6.15	4.75	2	6.75	4.00	2	6				5.25	2	7.25							
117	000082	Trương Quang Duy	08/05/2009	10A3	3.30	2.25	5.55	5	0.8	4.05	1.2	6.05	5.75	0.75	6.5	5.50	1.75	7.25				3.75	2	5.75							
118	000085	Trần Trọng Nhật Lâm	11/10/2009	10A3	3.60	2.5	6.1	4	0.5	4.95	2.1	7.55	5.25	0.75	6	4.50	1.25	5.75				4.75	1	5.75							
119	000089	Tăng Thanh Tiến	06/01/2009	10A3	5.10	3	8.1	5.5	0.6	3.15	2	5.75	6.00	2.75	8.75	6.25	2.75	9				5.25	2	7.25							
120	000094	Lê Hoàng Quốc Huy	05/05/2009	10A3	3.25	2.5	5.75	5.8	0.4	3.90	2.9	7.2	5.75	2.25	8	4.50	1.5	6				4.75	1	5.75							
121	000102	Triệu Tăng Quốc Đại	24/06/2009	10A3	3.05	1	4.05	4.3	0.6	4.35	2.5	7.45	5.50	1.5	7	5.25	1.75	7				5.25	1.5	6.75							
122	000103	Phạm Lê Thu Hiền	11/03/2009	10A3	3.25	2.5	5.75	5.3	0.7	4.05	2.2	6.95	6.25	3	9.25	4.25	2.25	6.5				5.50	2.5	8							
123	000104	Lê Minh Huy	29/12/2009	10A3	4.20	3	7.2	5.5	0.4	4.65	1.8	6.85	6.00	2.5	8.5	6.00	2	8				5.00	2	7							
124	000107	Phan Thị Thảo Phương	01/06/2009	10A3	2.15	1.5	3.65	6.3	0.3	4.50	3	7.8	6.50	2.5	9	5.50	1.75	7.25				4.75	1.25	6							
125	000110	Lê Văn Vũ	19/06/2009	10A3	4.20	2.75	6.95	5.8	0.6	4.65	3	8.25	5.75	2.75	8.5	6.50	2.5	9				5.50	2	7.5							
126	000111	Nguyễn Gia Bảo	06/01/2009	10A3	3.20	2.5	5.7	4.5	0.5	5.10	2.7	8.3	6.00	2.25	8.25	6.00	2.5	8.5				5.00	1.5	6.5							
127	000112	Đỗ Thành Đạt	10/09/2009	10A3	3.95	2.5	6.45	5	0.2	3.90	2.7	6.8	6.00	2.25	8.25	4.85	1.5	6.35				4.75	2	6.75							
128	000118	Huỳnh Mai Ngọc Thảo	12/11/2009	10A3	3.80	3	6.8	6	0.4	5.10	2.5	8	6.00	2.75	8.75	6.50	2	8.5				4.50	2	6.5							
129	000120	Lê Nguyễn Thanh Vy	04/09/2009	10A3	5.60	3	8.6	6.3	0.5	4.05	3	7.55	6.75	3	9.75	7.00	3	10				6.25	2.5	8.75							
130	000122	Lê Hoàng Đạt	13/07/2009	10A3	4.20	3	7.2	6.3	0.4	4.65	2.4	7.45	5.75	3	8.75	5.35	2.75	8.1				5.00	2	7							
131	000123	Kim Trung Hiếu	01/03/2009	10A3	2.75	2.75	5.5	6.8	0.7	4.35	2.3	7.35	6.25	2.75	9	6.25	2.5	8.75				3.75	1.75	5.5							
132	000125	Huỳnh Chánh Long	24/01/2009	10A3	4.40	2.5	6.9	5	0.5	4.95	2.6	8.05	6.25	2.5	8.75	6.50	2.75	9.25				4.50	1	5.5							
133	000126	Lê Hà Quỳnh Như	14/11/2009	10A3	4.10	3	7.1	6	0.7	4.95	3	8.65	5.50	2.75	8.25	7.00	2.25	9.25				5.25	2	7.25							
134	000127	Huỳnh Kim Quyên	08/07/2009	10A3	6.00	3	9	6	0.7	4.20	2.9	7.8	5.50	2.25	7.75	6.50	1.75	8.25				5.25	2	7.25							
135	000132	Lê Tấn Đạt	15/02/2009	10A3	4.60	2.5	7.1	6.3	0.6	3.15	2.4	6.15	6.25	2.5	8.75	5.75	2	7.75				5.25	2.25	7.5							

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú						
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL		TC					
136	000134	Nguyễn Diệu Hương	12/06/2009	10A3	3.85	3	6.85	6	0.5	4.80	3	8.3	6.25	2.5	8.75	5.75	2.25	8				6.75	1.5	8.25												
137	000135	Lưu Hoàng Long	25/01/2009	10A3	3.75	3	6.75	6	0.7	4.65	2.6	7.95	5.50	3	8.5	6.50	2.75	9.25				3.50	2	5.5												
138	000138	Nguyễn Gia Thiều	17/07/2009	10A3	4.10	3	7.1	6.8	0.6	4.35	2.9	7.85	6.00	2.75	8.75	5.50	1.75	7.25				6.50	2.25	8.75												
139	000139	Trương Đình Trí	15/08/2009	10A3	4.90	2.5	7.4	5.8	0.7	3.75	3	7.45	7.00	2.75	9.75	6.25	2.75	9				5.00	2	7												
140	000143	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	16/06/2009	10A4	4.90	3	7.9	6.8	0	4.05	3	7.05	6.25	2.75	9	6.25	2	8.25				6.50	2.25	8.75	4.25	2.25	6.5									
141	000144	Giang Thành Lâm	19/09/2009	10A4	3.90	3	6.9	6.8	0.6	3.90	2.9	7.4	6.25	2.5	8.75	6.25	2	8.25				7.00	2	9	5.00	1	6									
142	000145	Hồ Hoài Nam	15/12/2009	10A4	5.55	3	8.55	6.3	0.4	4.80	3	8.2	6.50	3	9.5	6.75	3	9.75				6.75	2.5	9.25	4.35	2.25	6.6									
143	000146	Nguyễn Thị Quỳnh Nhi	17/04/2009	10A4	4.10	2.75	6.85	3.5	0.5	2.55	1.5	4.55	3.75	1.75	5.5	1.50	0	1.5				3.75	0.25	4	2.00	0	2									
144	000147	Võ Lê Bảo Phúc	31/10/2009	10A4	3.00	2.25	5.25	3.5	0.5	3.90	2.1	6.5	5.00	1.5	6.5	4.75	1.75	6.5				4.75	0.5	5.25	3.25	0	3.25									
145	000148	Huỳnh Anh Thư	12/11/2009	10A4	3.75	2.5	6.25	7	0.4	4.65	2.9	7.95	5.75	2.75	8.5	6.75	2.25	9				4.50	2	6.5	3.95	1.25	5.2									
146	000151	Trần Nhật Thụy Du	21/05/2009	10A4	4.70	3	7.7	4	0.8	3.90	2.6	7.3	6.50	2.75	9.25	4.60	2	6.6				5.25	1.75	7	5.25	2	7.25									
147	000154	Nguyễn Thụy Trúc Lâm	22/01/2009	10A4	4.90	3	7.9	7.3	0.3	5.10	3	8.4	6.50	3	9.5	5.75	2.5	8.25				4.50	2	6.5	2.95	2	4.95									
148	000156	Nguyễn Ngọc Yến Như	12/09/2009	10A4	4.50	3	7.5	6.5	0.4	4.50	2.8	7.7	5.50	3	8.5	4.75	1	5.75				4.25	2	6.25	4.25	1.5	5.75									
149	000160	Nguyễn Hữu Thế Anh	14/04/2009	10A4	4.40	2.75	7.15	5.8	0.3	3.90	2	6.2	6.00	2.75	8.75	5.50	2	7.5				5.00	1.5	6.5	4.60	2	6.6									
150	000161	Đào Lê Anh Dũng	28/08/2009	10A4	3.10	2.25	5.35	4.5	0.7	4.20	0.7	5.6	3.75	1	4.75	2.25	1.25	3.5				3.50	0.25	3.75	2.75	0.25	3									
151	000163	Vũ Việt Gia Hưng	15/10/2009	10A4	4.10	3	7.1	7	0.3	4.35	1.8	6.45	5.75	2.75	8.5	6.50	2	8.5				5.50	2.5	8	4.35	2.25	6.6									
152	000164	Dương Lê Phương Linh	30/07/2009	10A4	3.80	3	6.8	6.8	0.5	3.30	2.4	6.2	5.00	2	7	5.00	2	7				6.50	2.5	9	5.25	1.5	6.75									
153	000167	Phạm Vũ Duy Quyền	29/01/2009	10A4	4.00	3	7	7.3	0.4	4.65	2.5	7.55	6.00	2.25	8.25	4.10	1.75	5.85				5.75	2.25	8	5.50	1.75	7.25									
154	000168	Nguyễn Trần Anh Thư	28/05/2009	10A4	3.50	3	6.5	7.8	0.6	3.75	3	7.35	5.75	2	7.75	5.00	2.25	7.25				5.75	2	7.75	4.35	1.75	6.1									
155	000169	Đặng Thế Vinh	31/03/2009	10A4	3.90	3	6.9	6.3	0.3	3.15	2.5	5.95	4.00	1.5	5.5	4.25	1.75	6				4.50	1	5.5	3.50	1.75	5.25									
156	000170	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	19/01/2009	10A4	5.20	3	8.2	8.3	0.7	5.55	3	9.25	6.75	3	9.75	5.50	2.75	8.25				7.00	2	9	5.00	2	7									
157	000171	Phạm Thị Phương Duy	08/09/2009	10A4	5.10	3	8.1	8	0.4	3.90	2.9	7.2	6.00	3	9	5.75	3	8.75				5.50	2	7.5	4.50	0.75	5.25									
158	000172	Nguyễn Đức Hiếu	09/06/2009	10A4	3.25	2.5	5.75	7	0.5	3.90	2.5	6.9	4.75	2.5	7.25	5.00	2.25	7.25				4.50	0.75	5.25	3.10	0	3.1									
159	000173	Phạm Nguyễn Thanh Hương	10/08/2009	10A4	4.40	3	7.4	6.8	0.4	4.35	2.6	7.35	5.50	2.75	8.25	4.25	1.25	5.5				5.25	1.25	6.5	4.50	2.25	6.75									
160	000174	Đặng Hoàng Long	02/03/2009	10A4	4.90	3	7.9	5.8	0.6	4.65	3	8.25	5.50	2.25	7.75	4.25	1.5	5.75				3.25	0.5	3.75	2.00	0	2									
161	000179	Hoàng Hồ Tường Vy	09/12/2009	10A4	4.65	3	7.65	6.3	0.3	4.80	3	8.1	6.75	3	9.75	4.60	2.5	7.1				5.75	2	7.75	5.85	2.25	8.1									
162	000181	Phạm Tấn Đạt	28/08/2009	10A4	4.30	3	7.3	6.5	0.6	3.75	3	7.35	4.25	2.75	7	5.00	2.25	7.25				3.50	2	5.5	4.25	2	6.25									
163	000182	Nguyễn Huy Hoàng	23/03/2009	10A4	5.60	3	8.6	6.3	0.3	3.15	2.8	6.25	7.00	2.5	9.5	5.00	2.75	7.75				5.00	1	6	4.75	1.75	6.5									
164	000184	Ngô Tấn Lộc	10/07/2009	10A4	4.20	3	7.2	5.3	0.4	3.30	3	6.7	6.00	1.75	7.75	5.50	2.5	8				6.00	2	8	4.35	2	6.35									
165	000185	Lê Hồ Bảo Ngọc	09/06/2009	10A4	2.30	2.25	4.55	6.8	0.4	4.65	2.6	7.65	5.50	3	8.5	5.00	2.25	7.25				3.25	1	4.25	3.25	2	5.25									
166	000186	Nguyễn Tiến Phát	21/11/2009	10A4	5.10	2.5	7.6	6	0.6	4.65	2.4	7.65	6.25	2.75	9	4.50	1.75	6.25				5.25	2	7.25	4.35	1.75	6.1									
167	000192	Nguyễn Nhật Hoàng	10/01/2009	10A4	4.20	3	7.2	5	0.4	4.50	1.9	6.8	6.50	2.5	9	5.50	1.5	7				5.00	2.25	7.25	5.50	1	6.5									
168	000193	Lê Nguyễn Kim Khánh	28/06/2009	10A4	5.80	3	8.8	6.8	0.2	4.05	2.1	6.35	7.00	2.75	9.75	6.00	2	8				5.00	2	7	5.00	2.25	7.25									
169	000195	Nguyễn Trí Nguyên	29/03/2009	10A4	4.40	3	7.4	6.5	0.5	4.50	1.4	6.4	6.00	2.75	8.75	6.50	2	8.5				5.25	2.25	7.5	4.10	1.75	5.85									
170	000196	Lê Hoàng Phú	01/02/2009	10A4	4.70	3	7.7	5.3	0.5	4.50	2.6	7.6	5.75	3	8.75	6.00	2.5	8.5				3.75	2.5	6.25	4.25	2.25	6.5									
171	000198	Thạch Lê Phương Trinh	02/04/2009	10A4	4.20	2.75	6.95	6.8	0.3	4.20	2.5	7	5.50	2.5	8	5.50	2	7.5				5.00	2.5	7.5	4.25	1	5.25									
172	000200	Nguyễn Xuân Bắc	12/03/2009	10A4	3.30	1.25	4.55	3.3	0.6	3.45	0.5	4.55	5.75	2.75	8.5	3.50	0.5	4				4.75	1.75	6.5	3.25	0.75	4									
173	000206	Ngô Hồng Phúc	06/10/2009	10A4	2.65	2.5	5.15	6	0.6	3.60	0.9	5.1	5.75	2.5	8.25	5.25	1	6.25				4.00	1.25	5.25	2.75	0.5	3.25									
174	000209	Phan Thúy Vy	26/07/2009	10A4	4.30	3	7.3	8.8	0.5	4.95	3.4	8.85	5.25	2.25	7.5	5.50	2.25	7.75				6.00	2	8	5.50	2.25	7.75									
175	000210	Nguyễn Thiên Bình	21/10/2009	10A4	3.25	2.5	5.75	4.5	0.6	4.65	2.4	7.65	4.75	1.75	6.5	4.50	0.5	5				5.00	2.25	7.25	5.00	1.25	6.25									
176	000211	Nguyễn Minh Đức	30/06/2009	10A4	4.20	3	7.2	7.3	0.5	4.80	2.9	8.2	6.00	3	9	6.50	2	8.5				5.50	0.75	6.25	5.75	2.25	8									
177	000213	Huỳnh Đăng Khôi	27/12/2009	10A4	4.20	3	7.2	4.8	0.7	5.10	2.9	8.7	6.00	2.5	8.5	5.75	2.5	8.25				3.50	0.75	4.25	4.25	2	6.25									
178	000220	Trương Quốc Bình	11/02/2009	10A4	5.30	3	8.3	6.8	0.4	5.25	2.6	8.25	6.75	2.25	9	5.50	2.75	8.25				5.75	1.25	7	4.85	1.25	6.1									
179	000221	Nguyễn Trần Mỹ Hà	29/07/2009	10A4	2.95	2.5	5.45	7.8	0.5	3.60	1.6	5.7	5.00	2.5	7.5	5.00	2.5	7.5				4.50	2	6.5	4.75	1.5	6.25									
180	000224	Nguyễn Đăng Quốc Minh	19/01/2009	10A4	4.40	1.25	5.65	6.8	0.5	4.35	1.7	6.55	6.00	2.5	8.5	5.25	1.75	7				5.00	2	7	4.85	1.25	6.1									
181	000226	Sơn Tấn Phúc	29/																																	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	
182	000227	Võ Hoàng Thịnh	01/08/2009	10A4	1.35	0	1.35	4.5	0.6	4.20	1.5	6.3	5.00	1.5	6.5	3.50	0	3.5				4.25	0.5	4.75	2.60	0.75	3.35			
183	000229	Nguyễn Như Ý	05/12/2009	10A4	4.30	3	7.3	6.5	0.6	4.05	2.6	7.25	5.75	2.5	8.25	3.75	2	5.75				5.25	2	7.25	4.10	1.25	5.35			
184	000230	Châu Minh Chí	27/01/2009	10A4	4.30	3	7.3	7	0.1	4.80	2.1	7	5.25	3	8.25	6.50	2.75	9.25				6.75	2	8.75	4.35	2.5	6.85			
185	000231	NGUYỄN HOÀNG GIA HÂN	18/09/2009	10A4	4.90	2.5	7.4	7.3	0.4	3.75	2.5	6.65	5.50	3	8.5	5.50	2.25	7.75				6.00	1.25	7.25	2.85	1	3.85			
186	000140	Đặng Quỳnh Anh	23/09/2009	10A5	4.90	3	7.9	6.8	0.7	3.30	2.9	6.9	6.00	2	8	6.00	2.75	8.75				4.75	2	6.75	4.35	2.25	6.6			
187	000141	Lê Huỳnh Thanh Diệu	20/10/2009	10A5	4.65	2.25	6.9	4.8	0.6	4.50	1.9	7	3.50	1.75	5.25	4.75	1.25	6				4.25	1.25	5.5	4.10	0.5	4.6			
188	000142	Nguyễn Thị Ngọc Hân	04/01/2009	10A5	5.10	3	8.1	6	0.8	4.95	3	8.75	6.75	2	8.75	7.00	2.75	9.75				6.25	2.5	8.75	4.75	2	6.75			
189	000149	Nguyễn Tường	03/06/2009	10A5	3.50	2.75	6.25	5.3	0.8	3.90	1.8	6.5	4.50	0.75	5.25	6.25	1.5	7.75				4.25	1.25	5.5	4.25	1.75	6			
190	000150	Hoàng Tuấn Anh	02/11/2009	10A5	3.30	2.25	5.55	5.8	0.6	4.50	2.6	7.7	5.75	1.75	7.5	6.25	1.75	8				3.50	2	5.5	4.00	1.5	5.5			
191	000152	Võ Thị Phúc Hậu	07/06/2009	10A5	2.75	2.25	5	7	0.4	4.65	3	8.05	4.00	1	5	6.25	2.25	8.5				5.25	2	7.25	4.00	2.25	6.25			
192	000153	Huỳnh Phúc Hưng	02/03/2009	10A5	3.80	2.75	6.55	5	0.5	3.60	2.6	6.7	5.75	1.75	7.5	5.50	1.75	7.25				5.00	2.25	7.25	5.25	2	7.25			
193	000155	Phan Trung Nghĩa	19/01/2009	10A5	5.10	2	7.1	7.3	0.7	3.75	2.9	7.35	6.25	2.75	9	6.75	1.75	8.5				6.00	2	8	5.00	2	7			
194	000157	Trần Mai Quang	24/08/2009	10A5	3.80	2.25	6.05	6	0.7	3.30	2.4	6.4	6.00	2	8	6.75	1.75	8.5				4.50	2.5	7	4.50	0.5	5			
195	000158	Nguyễn Đào Anh Thư	08/02/2009	10A5	3.05	2	5.05	5	0.6	3.15	1.8	5.55	5.00	0.5	5.5	4.75	1.25	6				5.50	2.25	7.75	4.00	2	6			
196	000159	Trần Thị Thu Uyên	18/03/2009	10A5	3.40	2	5.4	5.8	0.5	4.05	2.6	7.15	6.25	2.25	8.5	6.00	2.25	8.25				3.50	2	5.5	4.75	2	6.75			
197	000162	Hoàng Minh Hiếu	29/10/2009	10A5	4.60	2.25	6.85	4.5	0.7	3.90	2.6	7.2	5.25	2	7.25	6.75	2.25	9				4.50	1	5.5	4.50	1	5.5			
198	000165	Đào Kim Bảo Ngọc	07/01/2009	10A5	3.50	2	5.5	6.3	0.4	3.60	2.6	6.6	4.00	1.5	5.5	5.00	2.25	7.25				5.25	2	7.25	4.50	0.5	5			
199	000166	Hồ Thị Hồng Oanh	12/08/2008	10A5	5.10	3	8.1	8	0.7	4.50	2.2	7.4	6.25	2.5	8.75	7.00	2.75	9.75				6.75	2.25	9	6.00	2.5	8.5			
200	000175	Lê Ánh Ngọc	28/08/2009	10A5	3.75	3	6.75	7	0.4	4.35	2.6	7.35	5.75	1.5	7.25	7.00	2.75	9.75				5.75	2	7.75	5.10	2	7.1			
201	000176	Lê Minh Phát	26/07/2009	10A5	3.70	2.5	6.2	6.8	0.9	5.55	3	9.45	6.00	1.25	7.25	6.00	1.5	7.5				5.00	2	7	4.10	0.75	4.85			
202	000177	Nguyễn Thái Sơn	05/12/2009	10A5	2.60	2.25	4.85	6	0.9	3.15	1.1	5.15	4.25	1.5	5.75	5.50	3	8.5				4.25	2	6.25	2.25	0.25	2.5			
203	000178	Võ Đoàn Anh Thư	06/11/2009	10A5	3.50	3	6.5	6.3	0.5	3.75	1.1	5.35	5.00	1	6	7.00	1.5	8.5				5.00	1.75	6.75	3.60	1.75	5.35			
204	000180	Võ Phạm Thiên Ân	06/06/2009	10A5	5.30	2.75	8.05	7.8	0.5	4.20	3	7.7	6.75	2	8.75	6.25	2.75	9				6.25	2.75	9	4.85	2.25	7.1			
205	000183	Lâm Bảo Khang	03/01/2009	10A5	2.70	2.25	4.95	5.5	0.8	3.75	1.6	6.15	4.25	1	5.25	5.25	2.75	8				4.00	2.5	6.5	4.25	1.25	5.5			
206	000187	Nguyễn Duy Tâm	30/04/2009	10A5	3.25	3	6.25	5.8	0.7	3.30	2.5	6.5	5.50	2.5	8	6.50	2.25	8.75				3.50	2	5.5	4.35	1.25	5.6			
207	000188	Trần Nguyễn Gia Trí	17/09/2009	10A5	4.50	2.5	7	6	0.4	4.20	2.3	6.9	5.25	2.25	7.5	5.25	1.75	7				4.75	2.25	7	3.35	2	5.35			
208	000189	Hoàng Thị Kiều Vy	03/10/2009	10A5	6.00	3	9	4.5	0.6	3.30	3	6.9	5.75	2.75	8.5	5.75	2.75	8.5				4.00	1.75	5.75	4.85	2	6.85			
209	000190	Nguyễn Gia Bảo	30/12/2009	10A5	5.10	3	8.1	5	0.3	5.10	3	8.4	6.25	3	9.25	7.00	2.75	9.75				6.00	2.5	8.5	5.25	2	7.25			
210	000191	Lê Huỳnh Hải Đăng	23/02/2008	10A5	4.40	2.5	6.9	5.3	0.5	3.45	2.2	6.15	4.25	1.5	5.75	5.75	1.5	7.25				5.25	2	7.25	4.25	1.5	5.75			
211	000194	Hoàng Ngọc Xuân Mai	20/03/2009	10A5	4.40	2.75	7.15	6.8	0.6	5.25	2.6	8.45	6.75	3	9.75	6.75	3	9.75				6.25	2.5	8.75	5.50	2.25	7.75			
212	000197	Nguyễn Hoàng Thanh Thảo	23/02/2009	10A5	4.20	2.75	6.95	7.3	0.5	4.50	3	8	5.75	1.75	7.5	5.00	1.25	6.25				5.50	1.75	7.25	4.00	0.5	4.5			
213	000199	Phan Hồng Phương Vy	15/08/2009	10A5	3.80	2.5	6.3	5.8	0.3	4.65	2.9	7.85	3.50	1.25	4.75	7.00	2.5	9.5				5.25	2.25	7.5	4.50	1.25	5.75			
214	000201	Trịnh Châu Đoan	25/08/2009	10A5	3.05	2.25	5.3	6.8	0.6	4.20	3	7.8	4.25	1.5	5.75	5.50	2.5	8				5.50	2.25	7.75	4.00	2.25	6.25			
215	000202	Lê Bá Nhật Huy	21/12/2009	10A5	4.50	1.25	5.75	5.3	0.5	4.05	2.8	7.35	4.50	1	5.5	6.00	2.75	8.75				4.25	2.5	6.75	3.00	2	5			
216	000203	Lữ Thiện Quang Khánh	18/06/2009	10A5	3.40	2	5.4	5	0.5	4.50	3	8	5.25	2.5	7.75	5.50	1.5	7				6.00	1.25	7.25	4.50	1.75	6.25			
217	000204	Phùng Duy Mạnh	22/09/2009	10A5	3.75	2.25	6	4.3	0.5	4.35	2.5	7.35	5.00	1	6	6.25	2.25	8.5				5.75	2	7.75	5.25	2.25	7.5			
218	000205	ĐẶNG HỒNG PHƯƠNG NHI	02/01/2009	10A5	3.30	2.5	5.8	6	0.5	3.60	2.1	6.2	3.00	0.25	3.25	6.00	1.5	7.5				4.50	1.5	6	2.85	0	2.85			
219	000207	Nguyễn Ngọc Thi	11/07/2009	10A5	4.90	2.5	7.4	5.5	0.4	4.35	3	7.75	5.75	2.25	8	6.00	2	8				3.50	2.25	5.75	2.60	0.75	3.35			
220	000208	Cao Anh Tú	04/01/2009	10A5	4.80	2.5	7.3	5.3	0.4	4.35	2.8	7.55	5.25	2.5	7.75	5.35	2.75	8.1				4.50	2.25	6.75	3.60	2	5.6			
221	000212	Nguyễn Quốc Huy	15/10/2009	10A5	4.80	2.75	7.55	6	0.6	4.50	3	8.1	3.50	1	4.5	7.00	3	10				4.50	1.5	6	3.60	2	5.6			
222	000214	Lý Nhật Minh	20/07/2009	10A5	4.20	3	7.2	6.5	0.5	3.45	2.6	6.55	4.75	0.75	5.5	6.00	2	8				6.00	1	7	4.35	1.25	5.6			
223	000215	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	13/09/2009	10A5	4.40	2.5	6.9	7.8	0.6	5.25	3	8.85	6.50	1.5	8	6.50	1.75	8.25				6.25	2	8.25	6.25	2	8.25			
224	000216	Nguyễn Đình Phúc	02/06/2009	10A5	5.80	2.75	8.55	6.8	0.3	4.05	2.6	6.95	6.50	2.75	9.25	6.50	3	9.5				6.25	1.5	7.75	4.85	2	6.85			
225	000217	Nguyễn Thị Xuân Thi	25/04/2009	10A5	5.30	3	8.3	8.3	0.7	4.65	3	8.35	6.00	3	9	6.75	3	9.75				5.75	2.25	8	5.00	2.5	7.5			
226	000218	Trương Ngọc Thanh Tú	25/09/2009	10A5	3.00	2.75	5.75	7.3	0.5	3.90	2	6.4	5.75	2.25	8	6.50	0.75	7.25				5.75	1.5	7.25	4.35	0.25	4.6			
227	000219	Trương Kim Vy	29/08/2009	10A5	3.40	2.25	5.65	7.3	0.6	4.65	2.2	7.45	5.00	1.5	6.5	5.50	1.5	7				4.50	1	5.5	5.60	0.25	5.85			

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	
228	000222	Nguyễn Xuân Gia Huy	18/03/2009	10A5	4.00	3	7	6.5	0.7	3.30	2.4	6.4	5.25	1.75	7	5.75	1.75	7.5				4.50	2	6.5	5.50	1.75	7.25			
229	000223	Nguyễn Lê Anh Khôi	15/10/2008	10A5	5.10	2	7.1	6.8	0.6	4.35	1.2	6.15	7.00	2.5	9.5	5.00	0.25	5.25				6.00	2.25	8.25	4.60	1.25	5.85			
230	000225	Lê Đỗ Thành Nhân	03/07/2009	10A5	4.80	3	7.8	7	0.6	4.80	3	8.4	6.75	3	9.75	6.25	2.75	9				6.00	2	8	4.85	2.25	7.1			
231	000228	Nguyễn Phạm Tuấn	12/03/2009	10A5	4.20	2.5	6.7	5.5	0.6	4.05	0.8	5.45	4.75	2.5	7.25	4.75	1	5.75				5.00	1.5	6.5	3.50	1.25	4.75			
232	000232	Nguyễn Văn Phúc An	22/02/2009	10A6	4.90	3	7.9	5	0.7	4.20	0.7	5.6	4.25	1.25	5.5	4.25	2.25	6.5				4.75	0.75	5.5			6.00	2.75	8.75	
233	000233	Đình Thành Đạt	08/01/2009	10A6	3.80	2	5.8	6.5	0.6	4.65	2.5	7.75	4.75	2	6.75	4.75	2	6.75				5.75	1.5	7.25			4.50	2.5	7	
234	000234	Lý Gia Huy	26/07/2009	10A6	2.50	2.25	4.75	5.8	0.7	3.90	3	7.6	4.75	1.75	6.5	5.50	2.5	8				3.75	1.25	5			5.00	2	7	
235	000235	Trần Ngọc Nhã Kỳ	06/02/2009	10A6	4.60	3	7.6	7.5	0.5	4.80	3	8.3	5.00	1.75	6.75	5.75	3	8.75				7.00	2.5	9.5			6.00	3	9	
236	000236	Mai Thu Ngân	05/08/2009	10A6	4.00	2.5	6.5	6	0.5	4.50	2.2	7.2	5.25	0.75	6	5.50	2	7.5				5.75	2.25	8			4.50	2.75	7.25	
237	000237	Nguyễn Lưu Nguyễn	01/07/2009	10A6	3.60	2	5.6	5	0.5	4.20	2.6	7.3	5.25	1.5	6.75	3.75	1.25	5				4.00	2	6			3.35	2.25	5.6	
238	000238	Nguyễn Như Quỳnh	28/07/2009	10A6	6.00	3	9	5.8	0.6	4.65	3	8.25	6.50	3	9.5	5.00	2.25	7.25				5.25	1.25	6.5			6.00	1.5	7.5	
239	000239	Nguyễn Đặng Bảo Trâm	10/11/2009	10A6	4.65	2.5	7.15	6.8	0.5	4.50	3	8	6.75	2.25	9	6.75	2.5	9.25				7.00	2	9			7.00	2.75	9.75	
240	000240	Huỳnh Anh Tú	07/03/2009	10A6	4.35	2.5	6.85	7	0.4	5.55	3	8.95	6.00	2.75	8.75	5.50	2	7.5				7.00	2.25	9.25			6.50	2.75	9.25	
241	000241	Nguyễn Quốc Vinh	15/02/2009	10A6	3.85	2	5.85	7.8	0.6	4.35	2.6	7.55	6.75	3	9.75	5.75	1.75	7.5				5.50	2	7.5			5.50	2.75	8.25	
242	000242	Phan Hoàng Gia An	20/11/2009	10A6	3.90	3	6.9	6.3	0.5	4.35	2.6	7.45	6.25	3	9.25	5.75	1.5	7.25				5.25	2.5	7.75			5.25	2.75	8	
243	000243	Nguyễn Khánh Đăng	06/12/2009	10A6	5.10	3	8.1	5.8	0.6	4.80	3	8.4	7.00	2.5	9.5	4.50	2.25	6.75				4.75	2	6.75			4.75	2.75	7.5	
244	000244	Lê Dương Thanh Huyền	29/09/2009	10A6	3.70	2	5.7	6.8	0.7	4.80	2.6	8.1	6.00	1.75	7.75	6.00	1	7				5.00	2.5	7.5			4.50	2	6.5	
245	000245	Nguyễn Phan Trúc Lam	10/11/2009	10A6	4.20	3	7.2	6	0.7	4.35	2.5	7.55	6.25	1.75	8	5.50	1.75	7.25				5.75	2	7.75			5.50	2.75	8.25	
246	000246	Lê Thị Bảo Ngọc	10/12/2009	10A6	4.70	3	7.7	6.5	0.7	4.50	2.6	7.8	6.25	3	9.25	5.50	2.5	8				5.50	2.5	8			6.75	2.75	9.5	
247	000247	Nguyễn Thy Nguyễn	09/10/2009	10A6	2.95	2.25	5.2	6	0.5	3.45	2.1	6.05	5.75	2.5	8.25	4.75	2.25	7				4.75	2	6.75			5.50	2.75	8.25	
248	000248	Lê Thanh Tâm	12/06/2009	10A6	3.75	3	6.75	6.5	0.7	4.20	2.2	7.1	5.25	2.75	8	5.50	2.25	7.75				4.25	1	5.25			5.00	2.75	7.75	
249	000249	Nguyễn Ngọc Trâm	14/09/2009	10A6	4.70	3	7.7	6	0.8	3.75	2.5	7.05	5.00	2.75	7.75	6.25	2.5	8.75				6.50	2.5	9			6.25	2.75	9	
250	000250	Trương Hoàng Tuấn	07/02/2009	10A6	4.15	2.5	6.65	5	0.6	4.35	2.5	7.45	5.00	2.5	7.5	4.10	1.75	5.85				5.00	1	6			3.75	2.25	6	
251	000251	Nguyễn Hoàng Vũ	22/03/2009	10A6	3.65	2.5	6.15	5.8	0.9	4.95	2.5	8.35	6.75	3	9.75	6.00	2.75	8.75				4.25	0.25	4.5			4.00	2.25	6.25	
252	000252	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	05/07/2009	10A6	4.40	2.5	6.9	5.5	0.7	3.90	3	7.6	6.50	3	9.5	5.50	1.25	6.75				6.00	2.5	8.5			6.75	2.75	9.5	
253	000253	Bùi Quốc Hào	22/12/2009	10A6	3.90	3	6.9	5.3	0.7	3.90	2.4	7	6.00	2.5	8.5	5.50	1.5	7				5.00	2.25	7.25			4.25	2.25	6.5	
254	000254	Nguyễn Gia Hưng	29/05/2009	10A6	3.90	1	4.9	6	0.8	4.50	2.6	7.9	5.50	1.75	7.25	4.75	1	5.75				4.25	1.5	5.75			4.50	2.75	7.25	
255	000255	Nguyễn Khánh Phương Linh	30/04/2009	10A6	4.80	2.25	7.05	6.5	0.6	5.55	3	9.15	6.75	3	9.75	6.00	2.5	8.5				6.75	2.5	9.25			5.50	2.75	8.25	
256	000256	Nguyễn Khánh Ngọc	05/10/2009	10A6	4.20	2.5	6.7	8.3	0.7	4.35	2.3	7.35	6.25	2.5	8.75	5.10	1.25	6.35				6.50	2	8.5			6.25	3	9.25	
257	000257	Phạm Vũ Quỳnh Như	10/05/2009	10A6	4.30	2.5	6.8	8.3	0.6	4.73	3	8.33	5.75	2.75	8.5	5.00	2.5	7.5				6.75	2.25	9			7.00	3	10	
258	000258	Nguyễn Đoàn Nhã Tâm	05/10/2009	10A6	3.65	1.75	5.4	6	0.6	3.60	3	7.2	5.50	1.25	6.75	5.75	2.5	8.25				4.50	2	6.5			5.75	2.25	8	
259	000259	Lê Hải Triều	08/06/2009	10A6	3.70	1.5	5.2	6	0.4	3.00	1.9	5.3	4.50	2	6.5	2.25	0.5	2.75				4.50	1	5.5			4.25	2.5	6.75	
260	000260	Hoàng Phương Uyên	20/11/2009	10A6	4.60	2.25	6.85	7.8	0.6	4.50	2.8	7.9	6.00	2.75	8.75	5.75	2.25	8				5.50	2	7.5			6.10	3	9.1	
261	000261	Võ Huy Vũ	15/05/2009	10A6	2.80	2	4.8	5.3	0.5	4.50	1.5	6.5	6.25	1.5	7.75	5.00	0.25	5.25				4.50	1.5	6			4.50	1.5	6	
262	000262	Phạm Bảo Ngọc Diệp	01/12/2009	10A6	4.35	3	7.35	5.8	0.5	5.25	3	8.75	5.50	2.5	8	4.75	2	6.75				7.00	2.5	9.5			7.00	3	10	
263	000263	Trần Kim Hiền	01/09/2009	10A6	3.30	1.5	4.8	6.5	0.5	4.35	2.4	7.25	4.25	0.25	4.5	5.00	1.75	6.75				4.00	1.5	5.5			4.50	3	7.5	
264	000264	Nguyễn Tuấn Khang	25/09/2009	10A6	4.00	2.25	6.25	6.3	0.5	4.95	3	8.45	6.50	2.75	9.25	5.25	2	7.25				6.50	2.5	9			6.25	3	9.25	
265	000265	Lê Nguyễn Phi Long	24/06/2009	10A6	4.80	2.5	7.3	4.5	0.7	2.85	1	4.55	4.50	1.75	6.25	2.60	1.75	4.35				5.75	1	6.75			4.35	0.5	4.85	
266	000266	Nguyễn Phạm Bảo Ngọc	22/03/2009	10A6	2.75	1	3.75	6	0.4	4.80	3	8.2	5.75	2.75	8.5	4.85	1.75	6.6				6.00	1.25	7.25			5.50	2	7.5	
267	000267	Nguyễn Mạnh Phú	01/04/2009	10A6	4.00	1.25	5.25	5.3	0.6	3.15	1.7	5.45	5.50	2	7.5	5.25	2	7.25				4.50	2.5	7			3.75	2.5	6.25	
268	000268	Lê Huyền Thanh	05/08/2009	10A6	4.40	3	7.4	6.5	0.5	4.05	2.9	7.45	6.75	3	9.75	5.00	1.5	6.5				6.00	2.5	8.5			4.75	2.5	7.25	
269	000269	Nguyễn Thị Yến Trinh	30/03/2009	10A6	5.35	2.5	7.85	7.7	0.8	5.70	3	9.5	6.50	3	9.5	6.75	2	8.75				7.00	2.5	9.5			5.50	3	8.5	
270	000270	Đỗ Y Vân	09/09/2009	10A6	4.60	3	7.6	7.5	0.5	4.50	2.9	7.9	6.25	2.75	9	5.50	2.75	8.25				6.50	2.5	9			6.00	3	9	
271	000271	Trần Đỗ Hà Vy		10A6	3.40	2	5.4	7	0.6	4.80	3	8.4	5.75	2	7.75	5.75	2.75	8.5				6.50	2.5	9			5.25	3	8.25	
272	000272	Nguyễn Ngọc Linh Đan	15/11/2009	10A6	4.35	2.5	6.85	7	0.5	4.95	3	8.45	5.00	1.25	6.25	5.35	2.25	7.6				5.25	2.5	7.75			5.75	3	8.75	
273	000273	Diệp Minh Huy	03/09/2009	10A6	4.40	3	7.4	7.8	0.6	5.10	3	8.7	6.75	3	9.75	6.00	3	9				6.00	2.5	8.5			7.00	3	10	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú	
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL		TC
274	000274	Nguyễn Hoàng Tuấn Kiệt	22/10/2009	10A6	3.95	2.5	6.45	7	0.7	4.05	2.4	7.15	5.50	2	7.5	5.25	1	6.25				5.00	2	7				5.50	2.75	8.25	
275	000275	Hoàng Vũ Trà My	18/05/2009	10A6	1.95	1.5	3.45	6.3	0.5	3.90	2.6	7	4.50	1.25	5.75	5.25	1.75	7				3.50	0.5	4				4.50	1.5	6	
276	000276	Ven Ngọc Thảo Nguyên	23/07/2009	10A6	4.10	3	7.1	6.5	0.6	4.20	2.4	7.2	6.25	2.5	8.75	5.50	2	7.5				6.50	2	8.5				5.25	2.75	8	
277	000277	Nguyễn Gia Phúc	23/08/2009	10A6	4.40	2.5	6.9	4	0.6	3.45	1.9	5.95	6.00	2	8	4.00	2	6				4.75	1	5.75				4.35	2.5	6.85	
278	000278	Nguyễn Khoa Bảo Tịnh	27/12/2009	10A6	4.80	3	7.8	6	0.6	3.90	3	7.5	7.00	3	10	5.75	2.75	8.5				6.75	2.5	9.25				7.00	3	10	
279	000279	Hồ Xuân Tú	19/09/2009	10A6	3.55	2.5	6.05	6	0.6	5.10	2.1	7.8	7.00	2.25	9.25	6.00	3	9				4.75	1.25	6				4.25	1.5	5.75	
280	000280	Nguyễn Thị Thùy Vân	07/11/2009	10A6	2.70	1.5	4.2	5.5	0.6	3.60	3	7.2	3.75	0.5	4.25	4.25	1.75	6				5.50	0.25	5.75				3.75	2	5.75	
281	000281	Lư Huỳnh Nguyễn An	08/11/2009	10A7	1.75	1.75	3.5	5.3	0.6	4.95	3	8.55				3.60	0.25	3.85	6.00	0.5	6.5	4.75	1	5.75				4.25	2.25	6.5	
282	000282	Trần Thành Đạt	03/01/2009	10A7	5.10	2.5	7.6	7	0.7	4.20	3	7.9				6.25	2.75	9	6.50	3	9.5	6.50	2.75	9.25				7.00	2.75	9.75	
283	000283	Đình Nguyễn Tuấn Khang	29/08/2009	10A7	4.00	2.5	6.5	6	0.6	4.65	2.6	7.85				5.25	1.75	7	6.25	2.5	8.75	5.75	2	7.75				3.00	2.75	5.75	
284	000284	Trịnh Khang Lâm	20/06/2009	10A7	4.70	2.5	7.2	5	0.6	4.50	2.8	7.9				4.25	1	5.25	5.50	2	7.5	4.25	1	5.25				4.00	1.75	5.75	
285	000285	Võ Hoàng Ngân	03/12/2009	10A7	2.95	2.5	5.45	6.8	0.6	4.80	3	8.4				4.25	0.75	5	6.75	3	9.75	7.00	2	9				6.50	1.25	7.75	
286	000286	Phạm Thùy Phương Anh	22/01/2009	10A7	2.70	1.75	4.45	5	0.6	4.95	3	8.55				4.50	2	6.5	5.75	2.75	8.5	4.75	1.75	6.5				3.75	1.25	5	
287	000287	Phạm Thị Hồng Hoa	28/02/2009	10A7	3.80	2.5	6.3	6.5	0.8	4.20	3	8				6.75	2.5	9.25	6.50	3	9.5	6.00	2.5	8.5				5.25	2.75	8	
288	000288	Lê Thị Như Kiều	09/09/2009	10A7	3.40	2.5	5.9	5	0.6	4.05	2.9	7.55				4.50	0.75	5.25	6.25	3	9.25	4.75	1	5.75				4.75	2	6.75	
289	000289	Trương Ngọc Khánh Linh	16/09/2009	10A7	4.20	3	7.2	6.8	0.4	4.50	3	7.9				4.85	2.25	7.1	6.25	2.5	8.75	4.00	2	6				4.75	2.75	7.5	
290	000290	Nguyễn Hoàng Bảo Nghi	15/09/2009	10A7	4.50	2.5	7	6.5	0.7	5.10	2.5	8.3				4.75	2.5	7.25	6.00	2.75	8.75	4.50	1	5.5				6.00	1	7	
291	000291	Nguyễn Uyên Nhi	13/09/2009	10A7	4.40	2.5	6.9	6.3	0.5	4.50	2.5	7.5				3.50	2.75	6.25	6.50	2.75	9.25	4.75	2	6.75				4.75	1.5	6.25	
292	000292	Trần Thị Diệu Thảo	08/09/2009	10A7	3.25	1.5	4.75	6	0.2	4.50	2.6	7.3				5.35	1.75	7.1	5.75	3	8.75	4.75	2.5	7.25				4.50	3	7.5	
293	000293	Trần Ngọc Kim Tiền	21/09/2009	10A7	2.15	1.25	3.4	5	0.4	3.30	0.1	3.8				4.10	0.25	4.35	5.75	1.75	7.5	3.75	0.5	4.25				4.00	0.75	4.75	
294	000294	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	25/04/2009	10A7	4.35	2.5	6.85	5.5	0.6	4.35	3	7.95				6.00	2	8	6.25	2.75	9	5.75	2	7.75				5.50	2.75	8.25	
295	000295	Võ Thanh Tùng	28/12/2009	10A7	4.20	2.5	6.7	7.3	0.7	4.20	3	7.9				4.50	1.75	6.25	6.00	2.25	8.25	3.75	1.5	5.25				4.00	1.5	5.5	
296	000296	Trương Minh Anh	01/01/2009	10A7	4.90	2.5	7.4	5.8	0.5	4.80	3	8.3				5.10	1.75	6.85	6.25	3	9.25	6.25	2	8.25				6.00	1.75	7.75	
297	000297	Đặng Tường Vy	26/11/2009	10A7	2.55	2	4.55	5	0.8	4.65	2.1	7.55				5.00	1.75	6.75	5.50	2	7.5	4.25	1.75	6				4.25	1.25	5.5	
298	000298	Bùi Trịnh Quốc Huy	07/11/2009	10A7	2.80	2.5	5.3	4.8	0.6	3.60	2.9	7.1				4.25	1.5	5.75	6.25	1.5	7.75	3.50	1.5	5				4.00	2	6	
299	000299	Trần Ngọc Phương Vy	13/07/2009	10A7	3.10	2.5	5.6	5	0.6	5.25	3	8.85				5.50	2.75	8.25	6.00	3	9	7.00	2	9				6.75	2.75	9.5	
300	000300	Hồ Tuyết Kỳ	13/07/2009	10A7	3.70	2.5	6.2	6.8	0.9	5.70	3	9.6				6.50	2.5	9	6.25	3	9.25	6.75	2.5	9.25				6.50	2.75	9.25	
301	000301	Phạm Thị Loan	14/08/2009	10A7	3.80	2.5	6.3	5.8	0.5	4.95	2.5	7.95				4.75	0.5	5.25	6.50	3	9.5	5.75	2	7.75				4.75	1.25	6	
302	000302	Trần Bảo Ngọc	26/08/2009	10A7	4.15	2	6.15	5.8	0.6	5.25	2.9	8.75				6.00	2.5	8.5	6.25	3	9.25	7.00	2.5	9.5				7.00	2.75	9.75	
303	000303	Hà Thúc An Phú	24/03/2009	10A7	3.80	2.5	6.3	5.3	0.5	4.50	2.8	7.8				4.50	1	5.5	5.50	2.5	8	5.50	2	7.5				4.50	1.75	6.25	
304	000304	Võ Nguyễn Vy Thảo	14/07/2009	10A7	3.30	2.75	6.05	5	0.5	4.20	3	7.7				4.50	1.75	6.25	6.00	3	9	4.75	2	6.75				4.75	3	7.75	
305	000305	ĐẶNG HUỠNH BẢO TRẦN	29/08/2009	10A7	4.40	2.75	7.15	5.5	0.9	4.20	3	8.1				6.00	2.75	8.75	6.75	3	9.75	5.75	2.5	8.25				6.50	3	9.5	
306	000306	Nguyễn Toàn Minh Trí	22/05/2009	10A7	1.50	1.25	2.75	5	0.4	3.60	1.9	5.9				3.75	2.25	6	4.50	1.25	5.75	4.00	0.5	4.5				4.75	2	6.75	
307	000307	Cao Thị Khánh Tuyết	18/01/2009	10A7	3.90	2.5	6.4	5.5	0.8	4.80	3	8.6				5.25	2	7.25	5.75	3	8.75	6.25	2.5	8.75				6.75	3	9.75	
308	000308	Nguyễn Duy Bình	01/01/2009	10A7	3.30	2.25	5.55	5.5	0.8	4.35	3	8.15				6.00	2.5	8.5	6.00	2.75	8.75	6.00	2.5	8.5				4.60	3	7.6	
309	000309	Lã Nguyễn Khánh Vy	29/12/2009	10A7	3.25	2.25	5.5	5.8	0.6	5.10	2.6	8.3				4.60	2	6.6	6.50	3	9.5	6.00	2	8				6.75	2	8.75	
310	000310	Trần Ngọc Huyền	04/06/2009	10A7	4.90	3	7.9	7.5	0.8	5.10	3	8.9				6.50	2.75	9.25	6.50	3	9.5	6.75	2.5	9.25				6.25	3	9.25	
311	000311	Trần Thị Thanh Vy	12/04/2008	10A7	4.20	2.25	6.45	5.3	0.5	4.05	2.5	7.05				5.00	1	6	5.75	2	7.75	5.00	1.75	6.75				4.25	0.5	4.75	
312	000312	Lê Nguyễn Tường Lam	15/08/2009	10A7	3.60	3	6.6	5.3	0.5	4.35	2.1	6.95				5.00	1	6	6.25	3	9.25	5.25	2	7.25				4.00	2.25	6.25	
313	000313	Lê Trọng Long	01/06/2009	10A7	4.10	2.25	6.35	6.3	0.8	5.40	3	9.2				6.75	2	8.75	6.25	3	9.25	7.00	2	9				4.50	3	7.5	
314	000314	Đào Vũ Khôi Nguyên	12/11/2009	10A7	2.50	1.25	3.75	5.5	0.4	3.30	2.3	6				3.60	0.75	4.35	5.50	0.5	6	5.00	0	5				3.00	2	5	
315	000315	Nguyễn Hoàng Bảo Phúc	25/11/2009	10A7	3.30	2.25	5.55	5	0.8	4.65	3	8.45				4.00	1.25	5.25	5.25	1.25	6.5	5.25	2	7.25				5.00	1	6	
316	000316	Nguyễn Anh Thư	30/11/2009	10A7	4.00	2	6	5	0.6	4.80	2	7.4				4.50	0.75	5.25	6.25	0.75	7	5.25	2	7.25				3.25	1.75	5	
317	000317	Nguyễn Trần Thanh Trà	21/09/2009	10A7	3.60	2.75	6.35	7.3	0.7	4.95	2.6	8.25				5.75	1.25	7	6.00	3	9	5.75	2.5	8.25				5.25	3	8.25	
318	000318	Nguyễn Thị Phương Trinh	01/12/2009	10A7	3.90	3	6.9	5.3	0.4	4.95	3	8.35				3.50	0.75	4.25	6.75	3	9.75	6.50	2	8.5				4.35	3	7.35	
319	000319	Phạm Thị Thảo Vi	19/10/2009	10A7	4.70	2.5	7.2	5	0.6	4.50	3	8.1				5.35	1.5	6.85	5.75	3	8.75	5.75	2	7.75				5.75	2	7.75	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú	
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL		TC
320	000320	Nguyễn Lâm Phương Doanh	09/02/2009	10A7	4.40	1.5	5.9	6.3	0.7	4.80	3	8.5				6.25	2.5	8.75	6.50	3	9.5	5.25	2	7.25				6.25	3	9.25	
321	000321	Nguyễn Hà Vy	26/05/2009	10A7	2.10	2.5	4.6	7.5	0.4	3.90	2.7	7				6.00	2.5	8.5	6.50	3	9.5	6.00	2	8				4.75	2.75	7.5	
322	000322	Đình Quốc Hưng	11/02/2009	10A7	2.85	1.5	4.35	5	0.6	4.80	1.3	6.7				6.00	1.75	7.75	6.25	3	9.25	5.25	2.25	7.5				6.25	3	9.25	
323	000323	Trương Thị Ngọc Lan	14/08/2009	10A7	4.90	2.75	7.65	5.5	0.5	4.50	2.6	7.6				6.50	2.5	9	6.25	3	9.25	4.50	2	6.5				4.25	2.75	7	
324	000324	Lâm Thị Ngọc Mỹ	13/12/2009	10A7	3.30	1.75	5.05	5	0.7	3.75	3	7.45				5.25	1.5	6.75	6.25	3	9.25	6.25	2	8.25				6.00	3	9	
325	000325	Phạm Hoàng Đăng Nguyễn	15/10/2009	10A7	2.55	1.75	4.3	5	0.3	4.20	2.2	6.7				5.25	1.75	7	6.25	3	9.25	6.00	2	8				4.75	2.25	7	
326	000326	Nguyễn Hoàng Long Phụng	11/02/2009	10A7	3.50	2	5.5	5.8	0.4	4.50	2.6	7.5				6.50	1.75	8.25	6.75	3	9.75	6.50	2	8.5				3.85	3	6.85	
327	000327	Nguyễn Ngọc Diễm Thy	15/06/2009	10A7	4.40	2.75	7.15	6.5	0.8	4.80	2	7.6				5.35	2.25	7.6	6.25	2.9	9.15	3.75	2.5	6.25				3.10	2.5	5.6	
328	000328	Đỗ Triều An	20/05/2009	10A8	5.30	2.5	7.8	6.3	0.6	4.20	2.5	7.3				6.50	2.75	9.25	6.75	3	9.75	6.50	2	8.5	5.75	2.5	8.25				
329	000329	Lương Khả Ân	03/09/2009	10A8	3.65	2.75	6.4	5.8	0.3	4.20	1.9	6.4				5.50	1.25	6.75	6.75	3	9.75	4.75	2	6.75	4.75	2.25	7				
330	000331	Lê Đăng Khoa	27/11/2009	10A8	2.90	2.5	5.4	5.3	0.3	4.80	2.1	7.2				5.00	1.25	6.25	5.50	3	8.5	5.25	2	7.25	4.75	2	6.75				
331	000335	Lê Văn Thắng	03/07/2009	10A8	5.55	3	8.55	6.8	0.6	4.35	3	7.95				7.00	2.75	9.75	7.00	3	10	6.25	2.75	9	5.25	2.5	7.75				
332	000336	Huỳnh Thị Ngọc Trân	03/03/2009	10A8	3.80	1.5	5.3	5	0.5	3.00	1	4.5				4.25	0.75	5	4.25	3	7.25	5.25	2.5	3.9	4.00	1.5	5.5				VPQCT
333	000337	Lê Nhật Tường	06/06/2009	10A8	2.80	3	5.8	4.5	0.6	1.95	2.5	5.05				5.25	0.75	6	6.00	2.5	8.5	6.25	1.5	7.75	5.50	2	7.5				
334	000338	Châu Nguyễn Phương Anh	10/11/2009	10A8	4.50	3	7.5	4.5	0.5	3.90	2.4	6.8				4.35	1	5.35	5.00	2	7	4.75	1.75	3.3	4.00	1.5	5.5				VPQCT
335	000342	HỒ KHOA NAM	01/08/2009	10A8	1.95	2.25	4.2	5	0.7	4.50	0.9	6.1				3.75	1.75	5.5	4.00	3	7	5.00	1.5	6.5	3.25	0	3.25				
336	000344	Bùi Thị Hồng Phượng	04/07/2009	10A8	3.70	2.5	6.2	7	0.5	4.95	3	8.45				4.75	2.25	7	5.75	3	8.75	4.75	2	6.75	3.35	2.25	5.6				
337	000347	Hoàng Minh Uyên	15/12/2009	10A8	4.60	3	7.6	6.8	0.4	3.75	1.1	5.25				5.35	1.25	6.6	6.50	3	9.5	5.00	2	7	4.10	2	6.1				
338	000349	Trần Gia Bảo	08/04/2009	10A8	3.30	1.25	4.55	4.8	0.4	4.35	2.5	7.25				6.50	2.75	9.25	5.25	3	8.25	4.50	1.5	6	3.35	1	4.35				
339	000350	Nguyễn Huy Hoàng	24/02/2008	10A8	4.00	1.25	5.25	5.5	1	5.40	2.8	9.2				5.25	0.5	5.75	5.00	3	8	3.75	1.75	5.5	4.25	1.5	5.75				
340	000353	Ngô Yến Nhi	29/01/2008	10A8	4.80	3	7.8	5.5	0.6	3.45	0.8	4.85				5.00	1.75	6.75	6.25	3	9.25	4.75	2.25	7	5.00	1.5	6.5				
341	000355	Ngô Xuân Thiện	19/08/2009	10A8	6.05	3	9.05	7.3	0.4	4.80	2.2	7.4				6.25	3	9.25	7.00	3	10	6.25	2.25	8.5	5.60	2.5	8.1				
342	000360	Mai Việt Hùng	22/11/2009	10A8	3.60	3	6.6	4.3	0.4	4.65	1	6.05				6.50	1.5	8	6.25	3	9.25	5.25	2	7.25	3.60	1.75	5.35				
343	000361	Đoàn Gia Lâm	26/04/2009	10A8	4.20	3	7.2	5.8	0.6	4.05	2.5	7.15				6.00	2.5	8.5	6.50	3	9.5	6.50	2.5	9	6.00	2	8				
344	000362	Nguyễn Nhật Nam	04/10/2009	10A8	4.80	2.5	7.3	6	0.9	3.90	2.6	7.4				6.25	2.25	8.5	6.50	3	9.5	5.25	2	7.25	5.00	2	7				
345	000363	Nguyễn Phước Thảo Nhi	07/10/2009	10A8	3.75	2	5.75	4.8	0.6	3.60	1.8	6				5.00	2.25	7.25	5.50	3	8.5	4.25	2.5	6.75	4.50	2	6.5				
346	000365	Huỳnh Dương Hưng Thịnh	14/09/2009	10A8	3.60	1.75	5.35	5	0.6	4.50	1.7	6.8				6.25	1.75	8	7.00	3	10	4.50	2.5	7	3.85	1.5	5.35				
347	000366	Mai Vũ Trường	16/02/2009	10A8	3.05	2	5.05	5.8	0.5	3.75	2.1	6.35				4.00	1.25	5.25	5.75	2.5	8.25	3.75	1.75	5.5	4.10	1.5	5.6				
348	000367	Lê Phương Vy	28/09/2009	10A8	3.50	2.5	6	6	0.3	3.90	1.5	5.7				5.10	2.5	7.6	6.50	3	9.5	5.75	2	7.75	4.35	1	5.35				
349	000369	Phan Nguyễn Duy	09/11/2009	10A8	4.60	2	6.6	4.8	0.4	4.80	2.5	7.7				5.25	2	7.25	6.25	3	9.25	6.50	2	8.5	4.85	2.25	7.1				
350	000370	Nguyễn Bảo Huy	16/09/2009	10A8	4.50	2.5	7	5.8	0.3	3.60	1.7	5.6				5.75	0.5	6.25	5.50	2.5	8	3.75	2.5	6.25	4.60	0	4.6				
351	000372	Ngô Thanh Ngân	19/01/2009	10A8	3.60	3	6.6	7.8	0.4	4.05	2.4	6.85				5.50	2.25	7.75	6.25	3	9.25	4.50	2.5	7	4.50	2	6.5				
352	000374	Phan Lê Tố Quyên	15/11/2009	10A8	4.50	2.25	6.75	5	0.5	4.80	1.8	7.1				6.75	2	8.75	5.25	2.5	7.75	3.75	2	5.75	4.25	1	5.25				
353	000376	NGUYỄN THANH TUẤN	17/12/2009	10A8	2.90	2.25	5.15	5.3	0.5	3.60	1.3	5.4				5.50	1.25	6.75	6.00	3	9	4.25	2.25	6.5	4.00	1	5				
354	000378	Nguyễn Hoàng Minh Anh	23/01/2009	10A8	3.45	2.5	5.95	6.8	0.8	4.35	1.8	6.95				5.85	2	7.85	6.50	3	9.5	5.75	2	7.75	4.25	2.5	6.75				
355	000382	Nguyễn Huệ Tuyết Ngân	07/02/2009	10A8	3.90	2.5	6.4	5.8	0.6	4.80	2.6	8				6.00	2	8	6.50	2.5	9	5.75	2.5	8.25	5.25	2.25	7.5				
356	000383	Ngô Thị Thanh Như	10/04/2009	10A8	4.20	2.5	6.7	7	0.7	4.35	1.3	6.35				6.00	2	8	6.00	3	9	6.50	2	8.5	5.50	2	7.5				
357	000386	Đặng Tuấn Tú	12/10/2009	10A8	3.35	1.5	4.85	6	0.7	4.50	2.2	7.4				5.25	1.5	6.75	6.00	3	9	4.50	1.25	5.75	5.00	1.5	6.5				
358	000387	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	17/11/2009	10A8	4.00	2	6	5.5	0.5	3.60	0.6	4.7				6.50	1.75	8.25	6.25	2.5	8.75	3.00	1.25	4.25	2.60	0.75	3.35				
359	000388	Trần Thị Kim Anh	29/05/2009	10A8	4.00	2.25	6.25	5.3	0.6	3.45	2	6.05				5.50	1.25	6.75	6.00	3	9	5.50	2.25	7.75	3.75	1.75	5.5				
360	000389	Nguyễn Minh Đạt	24/06/2009	10A8	4.50	2.5	7	6	0.6	3.75	1.9	6.25				5.75	1.75	7.5	5.50	3	8.5	6.25	1.5	7.75	5.60	1	6.6				
361	000394	Đào Như Quỳnh	17/10/2009	10A8	4.40	2.5	6.9	6.5	0.6	4.05	1.7	6.35				6.50	2.25	8.75	5.00	3	8	4.75	1.75	6.5	3.35	0.5	3.85				
362	000395	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	22/05/2009	10A8	5.30	3	8.3	7	0.6	4.95	3	8.55				6.25	2.5	8.75	6.25	2.75	9	6.50	2	8.5	5.60	2.75	8.35				
363	000399	Nguyễn Ngọc Hương Giang	16/10/2009	10A8	3.60	2	5.6	5	0.5	4.65	2.1	7.25				6.50	1.5	8	6.50	3	9.5	6.00	2.5	8.5	5.25	1.5	6.75				
364	000400	Nguyễn Minh Khải	19/05/2009	10A8	4.20	2.5	6.7	5	0.6	3.30	1.2	5.1				5.00	2.5	7.5	6.25	3	9.25	5.75	2.25	8	4.75	2.5	7.25				
365	000401	Nguyễn Tiến Minh	13/09/2009	10A8	4.90	2.5	7.4	5	0.5	4.35	2.2	7.05				5.75	2.75	8.5	6.75	3	9.75	5.00	2	7	5.00	2	7				

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	
366	000405	Châu Thị Mỹ Tiên	31/10/2009	10A8	4.40	3	7.4	7.8	0.8	3.90	1.6	6.3				6.00	2.75	8.75	5.75	3	8.75	5.50	1.75	7.25	3.35	1.75	5.1			
367	000406	Lâm Minh Tuấn	18/10/2009	10A8	3.40	1	4.4	5	0.5	3.60	1.4	5.5				3.75	1.75	5.5	3.75	2.5	6.25	4.75	1	2.9	3.00	0.5	3.5	VPQCT		
368	000407	Nguyễn Bảo Yến	04/12/2009	10A8	2.90	1	3.9	5	0.3	3.60	2.2	6.1				5.50	1.25	6.75	5.75	3	8.75	5.00	2	7	4.00	2	6			
369	000408	Từ Kỳ Anh	18/08/2009	10A8	3.25	1.25	4.5	5.8	0.5	2.85	1.3	4.65				4.75	2.25	7	6.00	2.75	8.75	4.25	2	3.1	4.00	1.5	5.5	VPQCT		
370	000410	Lý Minh Khang	24/11/2009	10A8	3.25	2	5.25	5.3	0.3	4.05	1.7	6.05				6.50	2.5	9	6.75	2.5	9.25	5.75	2.5	8.25	4.35	2	6.35			
371	000411	Trần Nhật Minh	13/07/2009	10A8	3.65	2.25	5.9	4	0.6	3.30	2.2	6.1				4.25	1.5	5.75	6.50	2.5	9	3.75	2	5.75	2.60	1.75	4.35			
372	000413	Nguyễn Đào Kim Phúc	22/09/2009	10A8	4.60	2.25	6.85	6.3	0.7	3.45	2.1	6.25				5.25	1.5	6.75	6.25	3	9.25	4.75	1.5	6.25	5.50	1.5	7			
373	000417	Trần Thị Ngọc Ánh	14/04/2009	10A8	4.20	1.5	5.7	5.8	0.8	5.10	3	8.9				5.75	1.25	7	5.50	3	8.5	4.50	1.25	5.75	4.00	2.25	6.25			
374	000418	Lâm Thị Thu Hiền	13/09/2009	10A8	4.40	3	7.4	6.8	0.5	4.50	2.6	7.6				5.50	2.5	8	6.00	3	9	4.75	2	6.75	5.50	2.25	7.75			
375	000330	Hoàng Minh Hiếu	21/11/2009	10A9	2.90	2.25	5.15	5	0.5	4.65	1.8	6.95				5.00	1	6	5.50	2	7.5	4.50	2	6.5	4.50	1	5.5			
376	000332	Dương Hà My	09/07/2009	10A9	4.45	3	7.45	5.8	0.6	4.65	2.1	7.35				4.75	1.75	6.5	5.50	3	8.5	3.75	2	5.75	4.10	0	4.1			
377	000333	Kiều Nguyễn Thanh Nhân	25/05/2009	10A9	4.50	2.5	7	4.3	0.8	4.05	1.5	6.35				4.50	1.75	6.25	2.50	2.5	5	3.25	1	4.25	4.35	1.25	5.6			
378	000334	Nguyễn Phúc Mai Phương	05/04/2008	10A9	4.40	3	7.4	5	0.3	4.35	3	7.65				5.25	2	7.25	5.00	3	8	4.75	2	6.75	4.35	0.75	5.1			
379	000339	Giang Gia Bảo	17/02/2009	10A9	4.40	3	7.4	6	0.6	3.90	1.2	5.7				5.25	2.5	7.75	6.00	3	9	5.00	2	7	5.75	0.5	6.25			
380	000340	Kiều Công Hiếu	14/07/2009	10A9	5.60	3	8.6	6.3	0.6	4.05	2.8	7.45				5.00	2.25	7.25	5.75	3	8.75	4.50	2.5	7	2.60	1.5	4.1			
381	000341	Bùi Ngọc Đăng Khôi	10/05/2009	10A9	4.60	2.5	7.1	5	0.3	4.95	2.6	7.85				4.50	0.75	5.25	5.50	0.5	6	4.00	2	6	1.60	0	1.6			
382	000343	Ngô Lưu Tuyết Nhi	20/03/2009	10A9	5.10	3	8.1	6.8	0.5	4.20	2.5	7.2				6.50	2.25	8.75	6.75	3	9.75	5.75	2	7.75	4.35	3	7.35			
383	000345	Nguyễn Võ Hoàng Thiên	15/10/2009	10A9	4.10	3	7.1	4.3	0.6	4.35	2.6	7.55				4.50	2.5	7	6.75	3	9.75	6.00	2.5	8.5	3.50	2	5.5			
384	000346	Hoàng Thanh Trúc	21/04/2009	10A9	5.50	2.5	8	5.3	0.6	4.95	3	8.55				7.00	2.25	9.25	6.25	3	9.25	6.00	2	8	5.25	2	7.25			
385	000348	Lê Hoàng Lan Anh	25/10/2009	10A9	5.10	2.75	7.85	5.8	0.6	5.25	3	8.85				6.25	1.75	8	6.50	3	9.5	6.50	2.5	9	4.70	2.25	6.95			
386	000351	Nguyễn Trần Thiên Kim	29/05/2009	10A9	4.20	1.5	5.7	8.3	0.3	4.05	2.5	6.85				4.25	1.5	5.75	4.25	2.75	7	4.75	1	5.75	4.25	0.25	4.5			
387	000352	Mai Hoàng Nam	22/04/2009	10A9	5.30	3	8.3	7.5	0.7	5.25	2.6	8.55				6.50	2.25	8.75	5.75	3	8.75	6.50	2	8.5	5.00	2.25	7.25			
388	000354	Bùi Nguyễn Việt Quốc	11/08/2009	10A9	3.95	2.5	6.45	5	0.7	3.30	2.6	6.6				5.75	1.75	7.5	5.25	3	8.25	4.25	1	5.25	4.75	1	5.75			
389	000356	Phạm Thị Ngọc Trúc	12/12/2009	10A9	4.40	2.75	7.15	7.5	0.6	4.65	2.2	7.45				5.75	2.25	8	6.00	2.5	8.5	6.25	1.5	7.75	5.00	1.5	6.5			
390	000357	Bùi Đức Việt	10/11/2009	10A9	3.20	2	5.2	6.8	0.5	3.60	2.4	#####				3.75	2.25	6	2.00	2	4	5.25	1.75	7	3.10	1.5	4.6			
391	000358	Lê Nguyễn Hoàng Anh	17/01/2009	10A9	5.40	2.75	8.15	6.8	0.5	5.25	3	8.75				5.25	1.5	6.75	5.75	3	8.75	5.00	2	7	5.50	1.5	7			
392	000359	Nguyễn Bình	21/05/2008	10A9	3.70	3	6.7	6.3	0.5	4.05	2.6	7.15				3.75	1.75	5.5	5.50	2.75	8.25	5.50	2.5	8	3.00	0.5	3.5			
393	000364	Trần Ngọc Quốc	08/01/2009	10A9	5.10	3	8.1	5	0.6	4.50	3	8.1				3.75	2.25	6	5.75	1	6.75	4.00	1	5	4.50	0	4.5			
394	000368	Nguyễn Bảo Quỳnh Anh	21/06/2009	10A9	3.70	2.25	5.95	7	0.4	3.60	2	6				6.00	1.5	7.5	5.50	3	8.5	5.50	1	6.5	4.35	1	5.35			
395	000371	Phan Chí Luân	06/10/2009	10A9	4.30	2.5	6.8	6	0.3	3.15	1.6	5.05				4.00	2.5	6.5	3.75	0.75	4.5	4.00	0.5	4.5	3.00	0.25	3.25			
396	000373	Nguyễn Yến Nhi	19/08/2009	10A9	4.25	3	7.25	7.8	0.6	4.65	3	8.25				4.35	1.5	5.85	3.75	2	5.75	4.75	2	6.75	1.35	0	1.35			
397	000375	Trần Vũ Minh Thư	15/09/2009	10A9	5.15	3	8.15	6	0.5	4.65	2.6	7.75				3.25	1.25	4.5	6.25	1.5	7.75	5.50	2	7.5	2.00	0	2			
398	000377	Nguyễn Kiều Vy	18/08/2009	10A9	5.30	3	8.3	6.8	0.4	4.20	2.6	7.2				5.25	2.5	7.75	7.00	3	10	6.50	2.5	9	4.75	2	6.75			
399	000379	Nguyễn Hà Trang Đài	29/09/2009	10A9	4.10	2	6.1	6	0.4	3.45	1.9	5.75				3.75	1	4.75	6.25	2	8.25	4.50	1.25	5.75	3.60	0.75	4.35			
400	000380	Vương Đỗ Khánh Hưng	20/03/2009	10A9	4.55	2.5	7.05	6	0.5	5.10	2.6	8.2				4.60	1.75	6.35	5.25	2.5	7.75	5.25	2	7.25	2.75	1	3.75			
401	000381	Nguyễn Minh Mẫn	27/08/2009	10A9	4.60	3	7.6	5.5	0.4	4.35	2.6	7.35				4.50	1.25	5.75	3.75	2.5	6.25	5.00	2	7	3.85	2	5.85			
402	000384	Chu Nguyễn Như Quỳnh	27/04/2009	10A9	4.40	2	6.4	5.5	0.4	4.95	2	7.35				3.50	1.5	5	6.75	1.25	8	6.00	1	7	4.60	0.25	4.85			
403	000385	Võ Anh Thư	01/03/2009	10A9	5.40	3	8.4	6.5	0.4	4.35	3	7.75				4.75	2.5	7.25	6.25	3	9.25	6.50	2	8.5	4.10	2	6.1			
404	000390	Trần Thị Quỳnh Hương	03/09/2009	10A9	4.60	3	7.6	6.5	0.4	4.35	3	7.75				6.25	1	7.25	6.50	2.25	8.75	5.25	2	7.25	5.00	1.5	6.5			
405	000391	Đỗ Nhật Minh	26/11/2009	10A9	3.40	3	6.4	4.5	0.4	4.05	2.1	6.55				4.75	1.5	6.25	5.50	2.75	8.25	6.25	2	8.25	5.25	2	7.25			
406	000392	Phan Thị Thanh Ngân	08/06/2009	10A9	3.75	2.75	6.5	5	0.8	4.20	2.5	7.5				3.70	2	5.7	6.00	2.75	8.75	6.00	2	8	5.25	0.25	5.5			
407	000393	Đình Văn Phát	10/04/2009	10A9	4.40	2.5	6.9	5.5	0.6	3.60	2	6.2				4.70	2.25	6.95	5.75	3	8.75	6.00	2.25	8.25	4.10	2	6.1			
408	000396	Phan Thị Thanh Tú	12/08/2008	10A9	1.25	2.5	3.75	5.3	0.5	4.35	0.3	5.15				5.25	0	5.25	6.00	1.75	7.75	5.25	1	6.25	3.60	0.5	4.1			
409	000397	Nguyễn Ngọc Tường Vy	21/09/2009	10A9	5.00	2.5	7.5	5.8	0.4	5.10	3	8.5				4.25	2.75	7	5.75	2	7.75	6.00	2	8	5.25	2	7.25			
410	000398	Trương Nguyễn Hà Anh	05/09/2009	10A9	5.60	3	8.6	6	0.6	5.25	3	8.85				5.75	1.75	7.5	6.25	2.25	8.5	6.50	2.5	9	4.75	1	5.75			
411	000402	Phạm Đông Nghi	10/07/2009	10A9	4.60	3	7.6	6	0.6	4.80	2.5	7.9				4.10	1.75	5.85	4.50	2.5	7	5.25	2	7.25	3.85	0	3.85			

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú	
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL		TC
412	000403	Mai Hoàng Phúc	12/08/2009	10A9	4.70	2.75	7.45	5.3	0.4	4.05	2	6.45				4.75	1.75	6.5	5.50	2.5	8	4.50	2	6.5	4.35	2.25	6.6				
413	000404	Trần Ngọc Mỹ Quỳnh	16/01/2009	10A9	5.80	3	8.8	7.5	0.6	4.20	3	7.8				6.00	2.75	8.75	6.25	3	9.25	6.50	2	8.5	5.10	2	7.1				
414	000409	Nguyễn Sơn Hải	06/12/2009	10A9	4.70	2.75	7.45	6	0.3	4.80	2.4	7.5				4.00	1.5	5.5	4.75	2	6.75	4.00	2	6	3.00	1.75	4.75				
415	000412	Tường Huỳnh Như Ngọc	17/04/2009	10A9	5.30	2.25	7.55	5.8	0.5	4.50	2.2	7.2				6.50	2.25	8.75	6.00	3	9	5.25	2.5	7.75	4.75	2.5	7.25				
416	000414	Trương Tấn Tài	15/08/2009	10A9	3.45	2.5	5.95	5.8	0.5	3.90	3	7.4				6.00	2.25	8.25	7.00	3	10	5.25	2	7.25	4.75	1.75	6.5				
417	000415	Võ Thị Thùy Trang	06/10/2009	10A9	5.10	2.5	7.6	5.8	0.5	4.50	3	8				5.50	2	7.5	5.00	2.75	7.75	4.25	2.5	6.75	4.35	2.5	6.85				
418	000416	Phạm Minh Tuấn	29/10/2009	10A9	4.70	2	6.7	5	0.8	4.35	2.6	7.75				5.60	2.25	7.85	6.00	3	9	5.75	2	7.75	4.75	2	6.75				
419	000419	Phạm Bích Trâm	16/12/2009	10A9	3.90	2.5	6.4	5	0.6	3.30	2.5	6.4				3.25	0.75	4	5.50	2	7.5	5.25	2	7.25	3.85	1.25	5.1				
420	000420	Trần Bình An	25/06/2009	10A10	4.15	1.5	5.65	7.5	0.3	3.45	0.4	4.15	4.25	1.25	5.5							6.00	2.5	8.5	4.60	0.25	4.85	5.00	2.25	7.25	
421	000421	Phan Thị Thúy Bình	13/11/2009	10A10	2.10	1	3.1	6	0.6	2.85	0.9	4.35	5.50	2	7.5							4.75	1.25	6	3.75	1.5	5.25	4.50	2	6.5	
422	000422	Đỗ Nguyễn Gia Hân	28/06/2009	10A10	3.65	2.5	6.15	7.5	0.5	3.75	1.6	5.85	5.75	2	7.75							5.75	1.25	7	4.25	2.25	6.5	4.00	3	7	
423	000423	Phạm Lê Quỳnh Hương	08/09/2009	10A10	1.90	1	2.9	8.3	0.5	4.05	2.6	7.15	5.00	1	6							5.00	2	7	4.10	2	6.1	4.35	2.75	7.1	
424	000424	Bùi Trần Gia Linh	15/02/2009	10A10	4.20	2.5	6.7	8.3	0.6	3.75	2	6.35	6.75	2.5	9.25							4.75	2	6.75	5.10	2	7.1	5.50	2.75	8.25	
425	000425	Mai Phúc Nguyễn	14/04/2009	10A10	4.90	3	7.9	8	0.7	3.90	1.7	6.3	5.50	3	8.5							5.00	2.25	7.25	2.70	2	4.7	4.50	2.75	7.25	
426	000428	Trần Thị Thùy Trang	07/05/2009	10A10	2.10	2.5	4.6	6.8	0.5	4.50	0.6	5.6	4.75	2	6.75							6.00	1.5	7.5	3.85	0.75	4.6	3.75	2.75	6.5	
427	000430	Chu Hoàng Anh	11/01/2009	10A10	3.05	2.25	5.3	8	0.5	3.30	2	5.8	5.00	2.5	7.5							5.50	1.75	7.25	4.50	2	6.5	4.60	2.75	7.35	
428	000431	Phạm Nguyễn Ánh Xuân	09/02/2009	10A10	2.65	2.5	5.15	8.5	0.7	5.25	2.5	8.45	7.00	3	10							7.00	2.5	9.5	5.50	2	7.5	5.25	2.75	8	
429	000432	Huỳnh Thái Châu	02/04/2009	10A10	5.50	2.5	8	7.8	0.5	4.65	3	8.15	6.50	2.5	9							6.75	2.5	9.25	5.10	2	7.1	6.75	2.75	9.5	
430	000434	NGUYỄN TẤN KHANG	15/01/2009	10A10	3.15	2.5	5.65	5	0.7	4.50	2.9	8.1	5.50	2.5	8							5.00	0.75	5.75	3.50	2.25	5.75	3.35	2	5.35	
431	000435	Hoàng Linh	27/02/2009	10A10	4.10	2	6.1	8.3	0.5	4.05	2.9	7.45	6.25	2.5	8.75							5.25	1.75	7	4.50	1.75	6.25	5.25	2.25	7.5	
432	000437	Đặng Nguyễn Thiên Phúc	30/06/2009	10A10	3.65	1.5	5.15	6	0.6	3.30	1.7	5.6	4.25	2	6.25							5.50	1	6.5	4.10	1.5	5.6	5.75	2.25	8	
433	000438	Nguyễn Thanh Thảo	28/12/2009	10A10	3.10	2.5	5.6	8.8	0.7	3.45	2.2	6.35	6.50	2	8.5							4.75	1.75	6.5	5.25	2.25	7.5	5.25	2.75	8	
434	000439	Nguyễn Quỳnh Trâm	06/08/2009	10A10	3.60	1.75	5.35	8.5	0.5	2.70	1.8	5	5.00	1.25	6.25							3.75	0	3.75	3.75	0	3.75	3.50	2	5.5	
435	000440	Vũ Thùy Vân	22/09/2009	10A10	3.25	2.5	5.75	8.8	0.7	4.65	3	8.35	5.00	2	7							5.25	2	7.25	4.35	1.75	6.1	4.85	2.75	7.6	
436	000441	Đặng Hồ Tuấn Anh	07/02/2009	10A10	2.85	0.75	3.6	5.3	0.7	4.35	2.2	7.25	3.50	0.5	4							5.50	2	7.5	4.00	1	5	5.00	2.75	7.75	
437	000442	Lâm Vũ Quế Chi	22/07/2009	10A10	4.00	2.5	6.5	8	0.6	2.85	1.2	4.65	4.50	1.5	6							6.00	1.75	7.75	4.10	2	6.1	3.95	2.75	6.7	
438	000444	Võ Nguyễn Phúc Khang	17/06/2009	10A10	3.35	2	5.35	6.3	0.6	3.45	2.2	6.25	4.75	2.25	7							5.50	0.75	6.25	3.85	1.25	5.1	4.00	2.5	6.5	
439	000448	Phạm Đăng Thắng	02/10/2009	10A10	3.30	2.75	6.05	5.5	0.7	3.30	2.4	6.4	6.50	0.75	7.25							6.25	1.5	7.75	3.95	0.75	4.7	4.75	2	6.75	
440	000449	Nguyễn Thái Ngọc Trâm	29/10/2009	10A10	5.10	2.5	7.6	7.3	0.6	4.50	3	8.1	6.50	2.5	9							6.75	2.75	9.5	5.75	2.25	8	6.25	2.75	9	
441	000457	Phùng Nguyễn Loan Phụng	20/07/2009	10A10	2.35	1.75	4.1	6	0.4	2.55	2.4	5.35	4.00	1.25	5.25							6.00	2.5	8.5	3.35	1.75	5.1	4.50	2	6.5	
442	000458	Lê Vũ Bảo Thịnh	13/11/2009	10A10	4.30	3	7.3	6.3	0.6	3.45	2.4	6.45	6.00	2.25	8.25							6.00	2.5	8.5	5.60	2.25	7.85	5.25	2.75	8	
443	000459	Nguyễn Hữu Trí	24/12/2008	10A10	4.20	3	7.2	5.5	0.4	4.20	2.3	6.9	5.00	2.25	7.25							5.00	2.25	7.25	4.10	1.25	5.35	5.00	2.5	7.5	
444	000463	Đỗ Thị Diệu Hoa	11/04/2009	10A10	4.70	3	7.7	6	0.6	3.00	1.9	5.5	5.75	2	7.75							5.00	1.75	6.75	4.25	1.75	6	4.50	2	6.5	
445	000464	Phạm Minh Khôi	30/01/2009	10A10	4.00	2.5	6.5	5.5	0.5	3.45	0.2	4.15	5.50	2.75	8.25							6.25	2	8.25	4.10	2.25	6.35	5.60	3	8.6	
446	000466	Lê Hồng Yến Nhi	03/09/2009	10A10	4.20	2.5	6.7	8	0.6	3.30	2.5	6.4	6.75	3	9.75							5.75	2	7.75	5.35	2	7.35	5.00	1.75	6.75	
447	000467	Lê Ngọc Quý	03/11/2009	10A10	4.60	2.5	7.1	6.8	0.6	3.15	1.5	5.25	5.75	1.75	7.5							3.75	2.5	6.25	3.60	1.25	4.85	4.00	2	6	
448	000468	Nguyễn Trần Phương Thy	05/09/2009	10A10	4.00	2	6	5.8	0.6	3.00	0.1	3.7	5.25	1	6.25							5.25	1	6.25	3.85	2	5.85	4.10	2.5	6.6	
449	000470	Nguyễn Chí Vinh	19/10/2009	10A10	3.75	1.5	5.25	5.5	0.4	3.00	1	4.4	5.25	2.25	7.5							5.75	2.5	8.25	4.60	2	6.6	5.75	0.75	6.5	
450	000473	Đặng Ngọc Bảo Hòa	04/05/2009	10A10	4.20	2.5	6.7	7	0.6	4.50	2.5	7.6	6.50	1.25	7.75							5.25	2	7.25	4.10	2	6.1	5.25	2.75	8	
451	000475	Đặng Công Minh	11/06/2009	10A10	2.35	3	5.35	6	0.5	3.00	2.5	6	5.00	1.75	6.75							5.25	2	7.25	4.75	1.75	6.5	4.25	2.75	7	
452	000477	Nguyễn Văn Tâm	03/12/2009	10A10	2.35	3	5.35	5.8	0.6	4.35	2.5	7.45	6.25	2.5	8.75							5.25	2	7.25	4.85	2.25	7.1	4.50	2.25	6.75	
453	000478	Trương Yến Thy	28/03/2009	10A10	4.40	3	7.4	7.8	0.7	5.25	2.6	8.55	5.25	2.75	8							5.00	2	7	3.25	1	4.25	4.75	2.75	7.5	
454	000479	Nguyễn Võ Phương Trinh	09/12/2009	10A10	5.60	3	8.6	8.3	0.7	4.05	2.3	7.05	6.00	2.5	8.5							6.00	2.5	8.5	5.75	1.5	7.25	4.75	2	6.75	
455	000480	Đặng Thị Tuyết Vy	18/02/2009	10A10	3.10	1.5	4.6	7.3	0.6	3.60	2.5	6.7	5.75	2	7.75							4.75	1.75	6.5	2.85	1.5	4.35	5.00	2	7	
456	000481	Nguyễn Việt Anh	02/10/2009	10A10	3.95	3	6.95	6.3	0.9	3.45	1.7	6.05	4.00	2	6							4.00	1.75	5.75	4.25	0.5	4.75	6.00	2.5	8.5	
457	000489	Đoàn Nguyễn Thành Trung	10/05/2009	10A10	3.10	2	5.1	7.8	0.6	4.20	2.4	7.2	4.75	2.5	7.25							5.50	2.5	8	3.60	2	5.6	6.25	2.75	9	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	
458	000491	Nguyễn Huỳnh Hồng Ánh	23/05/2009	10A10	3.90	1.5	5.4	6.3	0.5	3.90	1.5	5.9	5.25	2.75	8						4.75	1.25	6	4.10	2.25	6.35	4.75	1.5	6.25	
459	000493	Hoàng Gia Huy	10/12/2009	10A10	4.00	0.5	4.5	5.5	0.5	4.35	1.8	6.65	4.00	2.25	6.25						5.00	1.75	6.75	3.10	2.5	5.6	3.50	2.5	6	
460	000498	Võ Nguyễn Thủy Tiên	22/04/2009	10A10	3.90	3	6.9	6.3	0.4	4.50	1.7	6.6	6.50	3	9.5						7.00	2.25	9.25	5.75	2.5	8.25	7.00	2.75	9.75	
461	000499	Nguyễn Hoàng Trung	17/07/2009	10A10	3.80	2	5.8	6	0.7	4.65	1.9	7.25	4.00	1.5	5.5						5.50	2	7.5	2.85	2.25	5.1	5.00	2.25	7.25	
462	000503	Nguyễn Thị Thu Huyền	19/01/2009	10A10	4.80	2.5	7.3	7.3	0.5	3.60	1.6	5.7	6.50	2.5	9						6.75	2.5	9.25	4.35	2.25	6.6	4.50	3	7.5	
463	000507	Phạm Cao Thanh Thanh	02/03/2009	10A10	5.50	3	8.5	6.8	0.5	4.50	2.9	7.9	7.00	3	10						7.00	2.75	9.75	6.00	2.5	8.5	7.00	3	10	
464	000510	Trần Khánh Vy	21/12/2009	10A10	3.30	2.75	6.05	8.5	0.7	4.65	2.2	7.55	7.00	3	10						6.50	2.5	9	5.50	2.25	7.75	4.50	2.5	7	
465	000512	Trần Duy Hưng	02/01/2009	10A10	3.20	2	5.2	4.5	0.7	4.20	2.9	7.8	6.25	2	8.25						6.00	2.5	8.5	5.60	1.25	6.85	5.75	3	8.75	
466	000513	Nguyễn Võ Uyên Lê	21/01/2009	10A10	2.35	2.5	4.85	4.8	0.6	2.85	0.6	4.05	4.75	1	5.75						5.00	2.75	7.75	3.50	1.25	4.75	4.50	2.5	7	
467	000426	Nguyễn Thịnh Phát	24/09/2009	10A11	5.80	2.5	8.3	7.8	0.4	4.20	2.4	7	7.00	3	10						6.75	3	9.75	5.00	2.25	7.25	7.00	1.75	8.75	
468	000427	Nguyễn Dương Phương Thảo	30/01/2009	10A11	4.15	2.5	6.65	7.5	0.5	3.00	2.6	6.1	3.50	2	5.5						4.50	2.25	6.75	5.25	2	7.25	4.00	2.25	6.25	
469	000429	Lê Thị Khánh Vân	23/02/2009	10A11	4.00	2.5	6.5	7.3	0.5	4.50	2.2	7.2	4.75	1.5	6.25						5.00	1.75	6.75	5.25	1	6.25	4.25	3	7.25	
470	000433	Nguyễn Ngọc Hân	05/07/2009	10A11	2.10	2	4.1	5.5	0.1	3.75	2.2	6.05	2.75	1	3.75						3.75	0.5	4.25	3.75	1.75	5.5	1.85	1.75	3.6	
471	000436	Trần Văn Nhất	30/09/2009	10A11	5.40	3	8.4	6.3	0	4.05	2.6	6.65	6.50	3	9.5						7.00	2.25	9.25	5.75	2	7.75	6.25	3	9.25	
472	000443	Trịnh Nguyễn Gia Hân	05/12/2009	10A11	3.40	2.5	5.9	5.8	0.3	5.40	2.9	8.6	4.75	1.75	6.5						3.75	2	5.75	2.85	1.75	4.6	4.50	2	6.5	
473	000445	Võ Tấn Lộc	09/08/2009	10A11	4.30	2.5	6.8	6.3	0.3	4.05	3	7.35	5.25	2.5	7.75						6.00	2.5	8.5	6.00	2.25	8.25	5.25	3	8.25	
474	000446	Nguyễn Hoàng Minh Nhật	01/08/2009	10A11	3.95	3	6.95	6.3	0.3	3.90	3	7.2	3.75	1.5	5.25						5.75	2.25	8	4.60	2	6.6	5.25	2.5	7.75	
475	000447	Trần Minh Phúc	30/10/2007	10A11	3.45	2.25	5.7	5.8	0.5	3.90	1.9	6.3	5.25	1	6.25						4.75	2.5	7.25	5.75	1.25	7	4.75	2.25	7	
476	000450	Hoàng Thị Tường Vi	17/04/2009	10A11	4.20	3	7.2	7	0.5	4.95	3	8.45	6.50	3	9.5						5.75	2.5	8.25	4.35	2.25	6.6	4.75	3	7.75	
477	000451	Hoàng Đình Việt Anh	03/01/2009	10A11	5.60	3	8.6	6	0.4	4.95	3	8.35	5.75	2.5	8.25						5.00	1.25	6.25	4.50	0.25	4.75	4.10	2.75	6.85	
478	000452	Nguyễn Thành Danh	22/08/2009	10A11	4.90	3	7.9	6.8	0.5	4.50	3	8	6.00	2.5	8.5						6.00	2.5	8.5	5.10	2.25	7.35	6.75	3	9.75	
479	000453	NGUYỄN THỊ HÒA	19/02/2009	10A11	4.30	3	7.3	5.8	0.3	4.05	2.5	6.85	3.25	2	5.25						5.75	1.75	7.5	4.50	1	5.5	3.25	1.75	5	
480	000454	Ngô An Khánh	29/04/2009	10A11	3.80	2.5	6.3	6.5	0.4	4.65	2.9	7.95	6.50	2.5	9						6.00	2.5	8.5	4.35	1	5.35	5.75	2.25	8	
481	000455	Trương Ngọc Lợi	19/10/2009	10A11	4.40	2.5	6.9	6	0.3	4.95	3	8.25	6.75	2.5	9.25						5.75	2.5	8.25	5.10	2	7.1	4.50	3	7.5	
482	000456	Nguyễn Hưng Long Nhật	23/06/2009	10A11	4.90	3	7.9	6	0.1	4.50	3	7.6	5.00	3	8						5.25	2.5	7.75	4.35	2.25	6.6	4.75	2.5	7.25	
483	000460	Nguyễn Thị Ngọc Vi	15/12/2009	10A11	5.30	3	8.3	7.8	0.3	5.10	3	8.4	6.00	2.5	8.5						6.50	2.75	9.25	5.60	2.25	7.85	5.25	3	8.25	
484	000461	Nguyễn Hoàng Minh Anh	25/06/2009	10A11	4.20	2.5	6.7	6.8	0.3	5.10	2.8	8.2	7.00	2.75	9.75						6.00	2.5	8.5	5.00	2	7	6.00	3	9	
485	000462	Nguyễn Tấn Dũng	09/08/2009	10A11	4.30	3	7.3	5.5	0.1	4.35	2.5	6.95	6.50	2	8.5						6.25	2	8.25	4.85	2	6.85	5.75	1.5	7.25	
486	000465	Nguyễn Võ Tiến Luân	22/12/2009	10A11	3.75	3	6.75	6	0.4	4.35	3	7.75	6.00	3	9						6.00	2.5	8.5	5.75	1.25	7	5.50	2.5	8	
487	000469	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	27/07/2009	10A11	5.00	3	8	6.5	0.4	4.05	2.5	6.95	5.50	3	8.5						5.25	2	7.25	4.00	2	6	4.25	2	6.25	
488	000471	Nguyễn Quỳnh Anh	01/08/2009	10A11	4.90	2.75	7.65	6	0.3	3.90	3	7.2	5.75	2.5	8.25						6.50	1	7.5	4.75	2.25	7	5.00	2.5	7.5	
489	000472	Phạm Nguyễn Chí Dũng	01/02/2009	10A11	2.55	3	5.55	6.8	0.5	4.80	3	8.3	2.50	1.75	4.25						4.50	2.25	6.75	3.60	0.25	3.85	4.25	2.5	6.75	
490	000474	Phạm Trung Kiên	24/02/2009	10A11	5.10	3	8.1	6	0.3	4.95	3	8.25	6.00	2.5	8.5						5.50	2.5	8	5.50	2.25	7.75	4.00	2.25	6.25	
491	000476	Lê Thị Ánh Nhi	13/12/2009	10A11	3.55	3	6.55	5.8	0.3	3.30	2.6	6.2	5.00	2.25	7.25						6.25	2.5	8.75	5.25	2.25	7.5	6.00	2.75	8.75	
492	000482	Huỳnh Kỳ Duyên	08/12/2009	10A11	4.05	2	6.05	6	0.4	4.80	3	8.2	5.25	2.5	7.75						6.50	2.5	9	4.75	2	6.75	4.50	2.25	6.75	
493	000483	Đặng Minh Hoàng	24/11/2009	10A11	3.90	3	6.9	5	0.3	4.20	2.1	6.6	6.25	2.75	9						5.00	2.25	7.25	4.35	1.5	5.85	4.35	2	6.35	
494	000484	Bùi Anh Kiệt	11/12/2009	10A11	4.30	2.5	6.8	7.3	0.4	5.25	2.6	8.25	6.25	2.25	8.5						6.50	2.5	9	3.85	2	5.85	4.50	2.5	7	
495	000485	Ngô Nguyễn Nguyệt Minh	18/04/2009	10A11	4.30	2.5	6.8	6.3	0.2	4.20	2.1	6.5	6.00	1.5	7.5						5.75	2.25	8	4.50	1	5.5	3.35	2.5	5.85	
496	000486	Quách Yến Nhi	27/10/2009	10A11	4.90	2.25	7.15	7.5	0.3	5.10	3	8.4	6.75	1.75	8.5						7.00	2.5	9.5	5.25	2.5	7.75	5.50	3	8.5	
497	000487	LÊ THỊ THANH THẢO	20/12/2009	10A11	3.50	3	6.5	7	0.6	4.65	2.8	8.05	4.50	1.75	6.25						5.75	3	8.75	5.25	2	7.25	4.75	1.75	6.5	
498	000488	Trịnh Hứa Thủy Tiên	26/06/2009	10A11	4.20	3	7.2	6.5	0.3	4.20	2.2	6.7	4.00	1.5	5.5						5.50	2.25	7.75	3.00	1	4	3.50	1.25	4.75	
499	000490	Nguy Kiều Vy	06/09/2009	10A11	3.30	3	6.3	5.3	0.2	4.05	2.6	6.85	6.00	2	8						6.75	2	8.75	4.75	2.25	7	5.25	2.5	7.75	
500	000492	Đông Nguyễn Hoàng Đạt	01/12/2009	10A11	4.90	2.75	7.65	5	0.6	5.25	2.2	8.05	6.25	2.75	9						6.00	2.75	8.75	5.60	2.75	8.35	5.35	3	8.35	
501	000494	Trần Ngọc Bảo Kim	15/01/2009	10A11	4.00	3	7	7.3	0.3	4.65	3	7.95	5.75	3	8.75						6.50	2.5	9	5.50	2.5	8	5.25	3	8.25	
502	000495	Phạm Trần Gia Nghiêm	06/12/2009	10A11	3.70	3	6.7	5	0.3	4.80	1.8	6.9	5.50	2.5	8						5.50	2.5	8	4.25	2	6.25	4.50	1	5.5	
503	000496	Võ Trần Yến Như	19/09/2009	10A11	4.60	2.75	7.35	5.3	0.7	5.40	3	9.1	5.00	2	7						6.50	2	8.5	4.35	1.5	5.85	4.25	3	7.25	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú		
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL		TC	
550	000697	Kiều Ngọc Khánh Ly	29/10/2009	10A12	3.90	2.25	6.15	4.8	0.3	3.60	1.3	5.2							5.25	2.25	7.5	4.50	1.5	6	3.00	1.5	4.5	4.00	1.5	5.5		
551	000698	Mai Khánh Ngọc	06/09/2009	10A12	4.80	3	7.8	5.3	0.5	5.25	3	8.75							6.75	3	9.75	5.50	2.5	8	6.00	2.5	8.5	7.00	3	10		
552	000701	Lê Hà Bảo Thy	16/05/2009	10A12	3.90	3	6.9	5.5	0.1	3.90	2.2	6.2							5.75	2.25	8	6.00	1.75	7.75	5.50	0.75	6.25	5.10	2.5	7.6		
553	000713	Ngô Kim Yến	06/08/2009	10A12	4.60	3	7.6	5	0.4	3.60	2.5	6.5							5.75	3	8.75	6.75	2	8.75	4.75	2	6.75	6.25	3	9.25		
554	000718	Nguyễn Thy Lam Ngọc	15/07/2009	10A12	3.05	2.5	5.55	4.5	0.4	2.10	1.9	4.4							6.00	1.75	7.75	5.75	0.25	6	3.25	0	3.25	4.00	1.5	5.5		
555	000719	Nguyễn Hoàng Minh Phúc	26/09/2009	10A12	4.90	3	7.9	6.3	0.6	4.05	3	7.65							5.25	3	8.25	6.00	1.75	7.75	4.00	2	6	5.50	2.75	8.25		
556	000722	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	31/01/2009	10A12	4.30	2.75	7.05	5	0.4	3.90	1.7	6							6.00	1.75	7.75	5.75	2	7.75	4.25	1	5.25	6.00	3	9		
557	000723	Nguyễn Hải Yến	29/05/2009	10A12	4.60	3	7.6	8	0.4	5.10	2.5	8							6.50	3	9.5	6.25	2.5	8.75	5.75	2	7.75	6.75	2	8.75		
558	000725	Phạm Thị Bích Hằng	15/07/2009	10A12	5.10	2.75	7.85	7	0.6	5.10	3	8.7							7.00	2.5	9.5	6.75	2	8.75	5.50	2.25	7.75	5.75	2.75	8.5		
559	000726	Sơn Nguyễn Hoàng Khang	11/06/2009	10A12	5.30	3	8.3	6.8	0.3	4.65	2.9	7.85							6.00	2.75	8.75	5.00	2	7	5.00	2	7	6.25	1.5	7.75		
560	000514	Bùi Lê Nam An	26/12/2009	10A13	4.20	3	7.2	6	0.3	4.35	3	7.65							6.00	3	9	6.50	3	9.5	6.00	2	8	6.25	3	9.25		
561	000522	Nguyễn Ngọc Ánh Tiên	14/08/2009	10A13	3.00	2.25	5.25	6.5	0.2	3.30	2.5	6							6.50	2	8.5	3.00	2.25	5.25	4.25	2.25	6.5	4.75	3	7.75		
562	000527	Nguyễn Anh Khoa	24/02/2009	10A13	3.80	2.25	6.05	5.3	0.3	4.05	1.9	6.25							4.50	2.5	7	5.00	2	7	3.60	2	5.6	3.75	3	6.75		
563	000528	Trần Thị Ngọc Mai	21/11/2009	10A13	3.70	3	6.7	6.5	0.7	4.95	2.1	7.75							5.75	2.5	8.25	6.25	2.5	8.75	4.50	1.5	6	6.50	3	9.5		
564	000532	Nguyễn Thị Thủy Tiên	20/10/2009	10A13	4.10	2.5	6.6	5.5	0.2	4.20	3	7.4							5.50	2	7.5	4.00	2	6	5.25	2	7.25	6.00	3	9		
565	000546	Lê Phúc Hậu	31/01/2009	10A13	4.00	3	7	5.8	0.5	4.50	3	8							4.75	2	6.75	4.00	1.75	5.75	3.85	1.5	5.35	4.00	1.25	5.25		
566	000548	Lê Quang Minh	20/04/2009	10A13	5.35	3	8.35	6.5	0.5	4.05	2.2	6.75							5.50	3	8.5	7.00	2.75	9.75	4.25	2.5	6.75	4.35	2.75	7.1		
567	000549	Phạm Triệu Yến Nhi	27/12/2009	10A13	3.50	3	6.5	7.3	0.4	3.30	1.2	4.9							6.25	2.75	9	5.00	1.5	6.5	4.35	1.25	5.6	5.75	2.75	8.5		
568	000550	Đặng Thị Hồng Quyên	08/12/2009	10A13	4.20	1.75	5.95	7.3	0.6	4.50	2.5	7.6							6.00	3	9	6.25	2.5	8.75	4.60	1.75	6.35	6.00	2.75	8.75		
569	000561	Lưu Phước Thịnh	25/11/2009	10A13	4.35	3	7.35	5.5	0.3	3.60	2.5	6.4							5.25	3	8.25	5.50	1.5	7	3.00	2	5	3.75	1.25	5		
570	000566	Đỗ Quang Hiếu	23/03/2009	10A13	2.25	0.75	3	4	0.6	3.60	0.1	4.3							3.75	2	5.75	3.25	0	3.25	3.25	0	3.25	3.50	2	5.5		
571	000575	Trần Thúy Diễm	08/01/2009	10A13	3.60	3	6.6	6.8	0.6	4.20	2.1	6.9							5.75	3	8.75	4.50	2	6.5	3.25	1	4.25	5.50	1.5	7		
572	000577	Nguyễn Tuấn Kiệt	01/09/2009	10A13	4.00	2.5	6.5	6	0.3	4.05	3	7.35							5.50	1.25	6.75	4.25	1.25	5.5	4.25	0.75	5	4.85	3	7.85		
573	000581	Trần Quốc Thịnh	25/06/2009	10A13	4.90	3	7.9	6.5	0.1	3.45	2.4	5.95							6.25	2.5	8.75	5.25	2.25	7.5	5.25	2	7.25	5.75	3	8.75		
574	000583	Nguyễn Yến Vi	08/06/2009	10A13	5.30	3	8.3	8	0.7	5.25	3	8.95							5.75	3	8.75	6.50	2.75	9.25	5.25	1.75	7	7.00	3	10		
575	000589	Huỳnh Trần Bảo Như	05/03/2009	10A13	4.90	3	7.9	6	0.4	4.50	2.5	7.4							6.00	3	9	6.00	2	8	4.60	1.75	6.35	5.25	2	7.25		
576	000606	Võ Lê Thu Hồng	30/07/2009	10A13	3.90	3	6.9	5	0.5	3.30	2.4	6.2							6.00	3	9	6.25	2.5	8.75	5.25	2	7.25	7.00	3	10		
577	000610	Nguyễn Minh Sang	20/01/2009	10A13	3.95	2.75	6.7	5.3	0.4	4.65	2.1	7.15							4.75	1.75	6.5	4.75	0.25	5	4.25	0.25	4.5	2.85	2.25	5.1		
578	000611	Đỗ Anh Thư	01/02/2009	10A13	4.20	2.5	6.7	5	0.6	4.95	2.3	7.85							5.50	2.75	8.25	4.75	2.25	7	5.00	2.25	7.25	5.00	3	8		
579	000612	Phạm Minh Trí	39890	10A13	3.65	3	6.65	5	0.5	3.15	2.6	6.25							5.75	2.75	8.5	3.00	1.5	4.5	5.25	1.75	7	3.95	1	4.95		
580	000616	Nguyễn Thị Hoa Huệ	05/05/2009	10A13	4.30	3	7.3	5.3	0.5	4.80	3	8.3							5.75	3	8.75	6.50	2	8.5	6.00	2.5	8.5	6.75	2.75	9.5		
581	000617	Nguyễn Hoàng Kim	28/05/2009	10A13	4.00	2.5	6.5	6.5	0.6	5.10	2.5	8.2							6.50	3	9.5	5.50	2.5	8	4.10	1.75	5.85	5.75	3	8.75		
582	000620	Nguyễn Chí Tài	39962	10A13	4.10	3	7.1	5.3	0.1	4.50	3	7.6							6.50	3	9.5	6.75	2	8.75	4.35	0.75	5.1	4.50	1.25	5.75		
583	000622	Trương Nguyễn Cao Trí	21/10/2009	10A13	2.10	2.25	4.35	5.8	0.2	3.45	2.8	6.45							5.75	1.75	7.5	4.00	2	6	4.75	2	6.75	5.10	3	8.1		
584	000628	Lê Khánh Ngân	09/06/2009	10A13	5.50	2.75	8.25	6.8	0.6	3.30	2	5.9							5.25	3	8.25	4.25	2	6.25	4.25	2.25	6.5	5.75	2.5	8.25		
585	000629	Ninh Thị Gia Như	03/02/2009	10A13	2.55	3	5.55	6.3	0.1	3.75	2	5.85							6.25	2.5	8.75	6.25	2.25	8.5	4.75	2	6.75	6.75	2.5	9.25		
586	000641	Nguyễn Ngọc Minh Thư	04/12/2009	10A13	4.20	2	6.2	5	0.2	4.05	1.4	5.65							6.25	2.5	8.75	5.00	1.25	6.25	4.25	2	6.25	5.10	3	8.1		
587	000644	Võ Kiều Lan Anh	24/10/2009	10A13	4.15	3	7.15	6.8	0.8	5.70	2.5	9							7.00	3	10	6.00	2.75	8.75	5.75	2.5	8.25	5.75	3	8.75		
588	000647	Chiu Tài Linh	17/01/2009	10A13	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0	Vắng	Vắng	Vắng							Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
589	000650	Đinh Văn Tấn	03/04/2009	10A13	5.50	3	8.5	5	0.3	3.60	2.4	6.3							4.75	1.25	6	5.00	0.5	5.5	4.75	1.25	6	4.75	2.5	7.25		
590	000652	Huỳnh Thị Trúc	16/06/2009	10A13	4.40	3	7.4	5	0.6	4.95	2.4	7.95							6.25	3	9.25	6.50	2	8.5	5.10	2	7.1	6.25	2.75	9		
591	000654	Võ Quỳnh Anh	30/10/2009	10A13	3.60	3	6.6	5	0.4	4.20	2.6	7.2							6.50	2.5	9	4.25	2	6.25	4.25	1.25	5.5	4.35	2.75	7.1		
592	000657	Nguyễn Đào Trúc Linh	24/09/2009	10A13	4.40	2.5	6.9	4.8	0	3.60	3	6.6							6.00	3	9	5.25	2.75	8	4.50	2.25	6.75	5.60	3	8.6		
593	000659	Nguyễn Kim Kiều Oanh	25/12/2009	10A13	4.90	3	7.9	4.5	0.3	3.75	2.5	6.55							5.75	2.5	8.25	4.50	2	6.5	4.75	2	6.75	5.75	2	7.75		
594	000663	Phan Thị Khánh Vy	24/09/2009	10A13	4.55	3	7.55	5.3	0.5	4.20	1.3	6							5.25	3	8.25	5.00	2	7	3.85	1	4.85	5.25	2.5	7.75		
595	000676	Trần Quốc Huy	06/02/2009	10A13	3.75	2.5	6.25	5.3	0.4	4.65	2.9	7.95							5.75	2	7.75	4.75	1	5.75	3.60	1.5	5.1	4.00	2	6		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	
596	000677	Đặng Gia Long	22/09/2009	10A13	5.50	3	8.5	5.3	0.3	3.60	2.9	6.8						5.75	2	7.75	5.50	1.25	6.75	4.75	2	6.75	4.35	3	7.35	
597	000681	Cao Thị Bảo Thy	27/09/2009	10A13	4.05	3	7.05	5.3	0.4	3.30	1.8	5.5						5.50	1.5	7	3.75	1.75	5.5	4.10	2	6.1	4.50	1	5.5	
598	000685	Ngô Đình Đình	24/10/2009	10A13	4.90	3	7.9	5.5	0.5	4.35	2.8	7.65						6.00	2.5	8.5	5.25	2	7.25	3.75	2	5.75	4.25	2	6.25	
599	000707	Lê Thị Cẩm Ly	16/12/2009	10A13	4.80	2.5	7.3	6.3	0.6	4.05	1.4	6.05						5.25	3	8.25	5.75	2.25	8	5.25	2	7.25	6.25	3	9.25	
600	000709	Chung Thiên Phúc	19/07/2009	10A13	4.80	3	7.8	4.8	0.4	3.15	0.4	3.95						5.50	2.5	8	5.00	0.5	5.5	4.75	1.75	6.5	4.25	2.75	7	
601	000710	Nguyễn Phương Thảo	09/11/2009	10A13	3.25	2.5	5.75	4.5	0.5	5.25	2.6	8.35						6.00	2.5	8.5	4.75	0.75	5.5	5.25	0.5	5.75	5.75	2	7.75	
602	000734	Tạ Hoàng Gia Bảo	08/11/2009	10A13	2.60	3	5.6	4.5	0.5	4.20	2.2	6.9						5.75	3	8.75	4.00	2	6	4.50	2.25	6.75	5.25	2	7.25	
603	000736	Phan Tuấn Khanh	30/07/2008	10A13	4.70	3	7.7	4.8	0.3	4.35	3	7.65						6.75	3	9.75	6.50	1	7.5	5.00	2	7	6.75	3	9.75	
604	000737	Nguyễn Phạm Thiên Lý	24/06/2009	10A13	5.00	3	8	5.5	0.5	4.20	3	7.7						5.75	2.75	8.5	4.75	2.5	7.25	4.00	2.25	6.25	5.75	3	8.75	
605	000740	Phan Thị Thu Thảo	27/05/2009	10A13	3.70	2.5	6.2	3.3	0.4	2.85	3	6.25						3.50	1	4.5	4.75	0.25	5	2.25	0.75	3	4.00	1.5	5.5	
606	000741	Vũ Anh Thy	18/09/2009	10A13	4.80	3	7.8	5.5	0.4	3.60	2	6						6.00	3	9	6.00	2	8	4.10	2	6.1	6.00	3	9	
607	000530	Bùi Kim Phương	26/09/2008	10A14	2.30	1	3.3	5.3	0.2	3.15	1.2	4.55						6.50	2.75	9.25	5.50	1	6.5	3.60	2.25	5.85	5.50	3	8.5	
608	000531	Trần Thị Thu Thảo	18/06/2009	10A14	3.50	2.5	6	6	0.5	4.05	2.2	6.75						5.25	1.25	6.5	4.00	2.25	6.25	2.60	2.25	4.85	6.25	2.75	9	
609	000533	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	18/09/2009	10A14	5.35	3	8.35	7	0.6	5.55	3	9.15						5.75	3	8.75	6.00	2.75	8.75	5.25	2.25	7.5	6.50	3	9.5	
610	000537	Huỳnh Dương Anh Khôi	29/09/2009	10A14	3.70	3	6.7	6	0.5	4.05	1.9	6.45						5.25	2.25	7.5	6.25	2.25	8.5	4.85	2.25	7.1	6.00	2.5	8.5	
611	000541	Hồ Ngọc Nhã Thi	07/08/2009	10A14	3.50	2.5	6	7.8	0.4	3.60	2.1	6.1						6.50	3	9.5	6.25	2.5	8.75	4.10	2.25	6.35	6.50	2.25	8.75	
612	000543	Võ Đình Văn	19/03/2009	10A14	4.90	2.25	7.15	6.8	0.4	4.20	2.4	7						4.75	2.5	7.25	5.75	2.5	8.25	5.00	2.5	7.5	5.75	1.5	7.25	
613	000544	Huỳnh Ngọc Trâm Anh	29/06/2009	10A14	3.90	3	6.9	7.3	0.3	4.80	3	8.1						6.50	3	9.5	3.75	1.5	5.25	4.60	2.25	6.85	5.00	2.75	7.75	
614	000545	Hà Diệp Châu	06/09/2009	10A14	4.90	3	7.9	8.5	0.5	4.65	3	8.15						7.00	2.75	9.75	6.25	2.5	8.75	5.50	2.25	7.75	6.50	2.75	9.25	
615	000552	Nguyễn Nhật Tiến	06/07/2009	10A14	3.80	2	5.8	6	0.3	3.45	2.5	6.25						6.00	3	9	4.50	2.75	7.25	4.50	2.5	7	5.00	1.75	6.75	
616	000557	Đình Hoàng Tuấn Kiệt	14/04/2009	10A14	2.55	2.5	5.05	6	0.6	5.10	1.9	7.6						6.75	1.25	8	5.50	1.5	7	4.25	1.25	5.5	5.50	1.5	7	
617	000558	Lê Tuấn Minh	02/09/2009	10A14	5.30	3	8.3	4	0.6	4.65	2.1	7.35						5.75	2.5	8.25	7.00	2.25	9.25	4.10	2.25	6.35	5.25	2.25	7.5	
618	000559	Phan Ngọc Nhi	14/04/2009	10A14	5.30	3	8.3	8	0.5	4.50	3	8						6.50	3	9.5	6.75	2.5	9.25	5.25	2.25	7.5	7.00	2.75	9.75	
619	000570	Võ Ngọc Quyền	15/03/2009	10A14	4.20	3	7.2	5	0.1	4.35	1.6	6.05						6.50	2.5	9	3.50	0	3.5	4.00	0	4	5.25	1.75	7	
620	000572	Nguyễn Ngọc Đoàn Trang	06/10/2009	10A14	4.90	2	6.9	5.8	0.4	4.05	3	7.45						6.00	2	8	4.00	2	6	3.35	1.75	5.1	5.00	2.5	7.5	
621	000584	Nguyễn Thảo Anh	04/06/2009	10A14	3.50	2	5.5	6.3	0.5	4.05	1.4	5.95						6.50	1.25	7.75	3.50	0	3.5	3.35	0.25	3.6	5.25	1.25	6.5	
622	000585	Vũ Tiến Dũng	27/05/2008	10A14	3.80	3	6.8	6	0.3	3.60	1.3	5.2						6.25	2	8.25	5.75	1.25	7	3.75	0	3.75	4.25	2	6.25	
623	000586	Nguyễn Hoàng Minh Hiếu	23/11/2009	10A14	3.90	3	6.9	5.5	0.5	3.75	2.6	6.85						7.00	3	10	6.50	2	8.5	5.25	1.5	6.75	7.00	2	9	
624	000593	Phan Thị Hoàng Vi	28/06/2009	10A14	2.65	2.75	5.4	6	0.2	2.85	0.2	3.25						6.25	1.75	8	6.25	1	7.25	4.75	0.25	5	5.75	2.5	8.25	
625	000599	Lê Thị Quỳnh Như	25/01/2009	10A14	4.00	2.25	6.25	5.8	0.4	3.90	2.3	6.6						5.00	2	7	4.50	1.75	6.25	3.50	2	5.5	4.60	2.5	7.1	
626	000600	Nguyễn Phạm Khánh Quỳnh	26/11/2009	10A14	4.00	2.75	6.75	6.5	0.3	3.90	1.8	6						6.75	2.5	9.25	6.75	2.5	9.25	4.10	2.25	6.35	5.75	2.75	8.5	
627	000602	Nguyễn Thị Tuyết Trân	31/08/2008	10A14	4.70	3	7.7	7.8	0.5	3.60	2.6	6.7						6.50	3	9.5	6.25	2.5	8.75	5.25	2.25	7.5	6.00	3	9	
628	000625	Hồ Thị Thùy Dương	29/04/2009	10A14	4.70	2.75	7.45	7	0.3	4.20	2.5	7						6.25	3	9.25	6.00	2	8	4.75	2	6.75	5.75	3	8.75	
629	000626	Nguyễn Công Hùng	14/12/2009	10A14	3.20	2	5.2	6.5	0.2	3.60	2.1	5.9						6.00	3	9	5.75	1.5	7.25	4.25	1	5.25	4.85	3	7.85	
630	000627	Võ Thư Kỳ	12/05/2009	10A14	4.00	2.5	6.5	6.5	0.5	4.20	2.2	6.9						6.75	2.75	9.5	5.25	2.5	7.75	3.50	2.25	5.75	4.75	3	7.75	
631	000630	Nguyễn Thành Tài	29/01/2009	10A14	3.80	1.5	5.3	5.5	0.4	3.75	2	6.15						5.00	3	8	5.75	1.5	7.25	4.10	2	6.1	5.25	2.5	7.75	
632	000633	Nguyễn Dương Thảo Vy	21/05/2009	10A14	3.25	2	5.25	5.5	0.3	4.05	2.2	6.55						5.00	2	7	4.50	1	5.5	3.75	0.25	4	2.85	2	4.85	
633	000634	Trần Ngọc Quỳnh Anh	06/08/2009	10A14	4.20	1.75	5.95	7	0.3	4.50	2.2	7						5.25	2	7.25	6.00	1	7	3.75	1	4.75	5.25	2.5	7.75	
634	000637	Phạm Mai Lam	20/08/2009	10A14	4.40	3	7.4	6	0.2	4.05	2.3	6.55						6.00	2	8	6.00	1.75	7.75	3.50	1.5	5	6.00	2.25	8.25	
635	000638	Ngô Phan Khánh Ngân	01/06/2008	10A14	4.40	3	7.4	7	0.3	4.35	2.2	6.85						6.75	3	9.75	7.00	2.5	9.5	5.00	2.5	7.5	7.00	2.5	9.5	
636	000651	Nguyễn Võ Anh Thư	23/06/2009	10A14	3.10	2	5.1	6.3	0.3	4.35	2.3	6.95						6.00	2.75	8.75	6.75	2	8.75	4.60	2.25	6.85	5.50	2.75	8.25	
637	000653	Phạm Nguyễn Huyền Vy	16/09/2009	10A14	3.30	1.75	5.05	5	0.3	2.85	1	4.15						4.75	2	6.75	3.25	1.5	4.75	3.85	1.25	5.1	5.25	2.5	7.75	
638	000655	Phạm Huỳnh Tấn Đạt	04/11/2009	10A14	3.80	2	5.8	5	0.4	4.80	3	8.2						5.50	2	7.5	5.50	1	6.5	4.10	1.75	5.85	6.00	3	9	
639	000667	Trần Gia Linh	02/01/2009	10A14	4.20	2.5	6.7	6	0.8	5.10	2.5	8.4						6.50	1.75	8.25	6.25	1.5	7.75	3.85	0.5	4.35	4.75	2.5	7.25	
640	000678	Phạm Minh Ngân	04/03/2009	10A14	3.50	1.5	5	5	0.4	3.45	2.2	6.05						5.00	0	5	5.75	0.75	6.5	5.50	2	7.5	4.50	2.5	7	
641	000682	Trần Thanh Trúc	21/06/2009	10A14	3.80	2	5.8	6.5	0.2	4.20	3	7.4						4.75	3	7.75	6.00	2.5	8.5	4.00	2.25	6.25	4.50	2.5	7	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú	
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL		TC
642	000690	Bùi Thanh Thảo	12/10/2009	10A14	4.40	2	6.4	6	0.3	4.65	3	7.95						5.50	2.25	7.75	7.00	1.5	8.5	4.35	1.75	6.1	6.00	3	9		
643	000694	Chung Gia Bảo	14/05/2009	10A14	3.50	1.75	5.25	5.8	0.8	4.50	3	8.3						5.00	2.75	7.75	5.75	2	7.75	4.25	1.75	6	4.75	2.5	7.25		
644	000695	Võ Văn Trí Đức	10/11/2008	10A14	4.00	2.5	6.5	4	0.4	4.20	2.6	7.2						5.00	1	6	5.50	0	5.5	4.00	0	4	4.75	1.25	6		
645	000706	Lê Minh Khang	24/06/2009	10A14	2.15	1.25	3.4	3.5	0.3	3.60	1.1	5						3.50	2	5.5	4.00	1.5	5.5	2.75	0.25	3	5.00	2.25	7.25		
646	000715	Huỳnh Hoàn Hào	13/03/2009	10A14	4.20	2.75	6.95	5.3	0.2	3.60	3	6.8						6.25	2.75	9	5.50	2.5	8	4.60	2	6.6	5.25	1.5	6.75		
647	000727	Võ Khánh Ly	18/04/2009	10A14	4.60	3	7.6	7.5	0.3	4.50	3	7.8						6.00	2.75	8.75	6.50	2.75	9.25	4.50	2	6.5	6.50	2	8.5		
648	000731	Võ Lê Bảo Thy	08/10/2009	10A14	4.20	2.25	6.45	8.5	0.5	4.50	2.1	7.1						5.50	2.25	7.75	6.50	3	9.5	5.00	2.25	7.25	4.75	2.75	7.5		
649	000732	Nguyễn Minh Tuấn	18/05/2009	10A14	3.65	1.75	5.4	6.5	0.3	3.60	1.2	5.1						4.75	2.25	7	4.75	0.75	5.5	3.50	0.25	3.75	3.25	2	5.25		
650	000735	Tô Thị Diễm Hằng	18/10/2008	10A14	3.60	2.75	6.35	6.8	0.4	3.30	1.9	5.6						5.25	1.75	7	4.75	1.5	6.25	3.85	2	5.85	5.00	3	8		
651	000525	Phạm Thanh Bình	13/05/2009	10A15	4.40	2.5	6.9	6.8	0.2	4.05	1.7	5.95						6.00	3	9	6.50	2.5	9	4.35	2	6.35	6.25	2	8.25		
652	000529	Nguyễn Thị Kiều Nhi	23/03/2009	10A15	3.60	2	5.6	6.3	0.6	3.60	0.6	4.8						5.75	2.5	8.25	6.50	0.75	7.25	4.50	1.75	6.25	5.50	2.5	8		
653	000534	Hoàng Ngọc Anh	19/11/2009	10A15	6.00	3	9	6.5	0.7	5.40	3	9.1						6.75	3	9.75	7.00	2.5	9.5	5.25	2	7.25	7.00	3	10		
654	000539	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	04/12/2009	10A15	4.50	3	7.5	7.8	0.5	4.65	2.5	7.65						6.50	3	9.5	6.50	2.5	9	5.00	2	7	6.00	1.75	7.75		
655	000542	Lê Mạnh Tiến	30/07/2009	10A15	3.30	2	5.3	6.8	0.5	4.80	2.5	7.8						6.25	2.25	8.5	5.50	2.5	8	5.00	1.75	6.75	4.50	2.5	7		
656	000562	Trần Gia Toàn	19/09/2009	10A15	4.20	2.75	6.95	7	0.3	3.45	2.6	6.35						5.75	1	6.75	4.25	1.75	6	4.85	1	5.85	4.00	1.25	5.25		
657	000563	Kiều Phan Yến Vân	13/12/2009	10A15	2.75	0.5	3.25	6.5	0.1	4.20	2.5	6.8						5.25	1.75	7	4.25	1.5	5.75	4.75	1	5.75	4.50	1.75	6.25		
658	000568	Nguyễn Thị Trà My	01/04/2009	10A15	3.75	2	5.75	6	0.9	4.80	2.5	8.2						6.25	3	9.25	6.50	2.5	9	4.50	1	5.5	5.25	3	8.25		
659	000573	Lê Tường Vi	28/12/2009	10A15	4.35	3	7.35	7	0.7	3.90	1.8	6.4						6.00	3	9	5.75	2	7.75	4.35	2.25	6.6	5.50	2.5	8		
660	000574	Nguyễn Hoàng Quyền Anh	24/08/2009	10A15	2.60	2	4.6	6.5	0.5	3.90	1	5.4						5.50	3	8.5	5.50	2.5	8	4.60	1.5	6.1	5.25	1.75	7		
661	000576	Lê Anh Ngọc Hiếu	18/08/2009	10A15	4.20	2.5	6.7	5.8	0.4	3.45	0	3.85						3.25	2.25	5.5	4.25	0.5	4.75	2.85	0	2.85	4.75	2.25	7		
662	000591	Trần Thái Thịnh	20/05/2009	10A15	3.30	2.5	5.8	4.5	0.4	4.35	2.5	7.25						6.00	2.5	8.5	6.25	2.5	8.75	3.85	2	5.85	5.00	3	8		
663	000596	Huy Đức Hòa	01/02/2009	10A15	3.25	2.5	5.75	6.8	0.3	4.95	2.9	8.15						6.00	3	9	6.50	2	8.5	4.85	2.25	7.1	4.50	3	7.5		
664	000605	Trương Thị Mỹ Duyên	06/07/2009	10A15	4.10	2	6.1	6	0.3	4.05	1.6	5.95						6.50	3	9.5	6.50	2.25	8.75	4.75	2	6.75	4.00	3	7		
665	000609	Nguyễn Gia Như	17/10/2008	10A15	4.00	2	6	5.5	0.7	3.30	2.9	6.9						5.50	3	8.5	6.25	2.5	8.75	3.95	2	5.95	5.75	3	8.75		
666	000613	Huỳnh Phương Vy	10/12/2009	10A15	3.05	2.25	5.3	5.3	0.3	3.00	1.3	4.6						5.50	2	7.5	6.00	1.5	7.5	4.50	0.75	5.25	6.50	2.25	8.75		
667	000624	Phan Quỳnh Anh	06/04/2009	10A15	3.50	2	5.5	6	0.7	3.30	1.2	5.2						6.25	2	8.25	6.00	1.5	7.5	4.75	2	6.75	5.75	3	8.75		
668	000632	Thạch Thị Huỳnh Trình	25/04/2009	10A15	3.45	2.75	6.2	6.3	0.9	3.15	0.9	4.95						6.25	2.25	8.5	6.25	1	7.25	4.50	0.5	5	5.50	2	7.5		
669	000635	Nguyễn Thị Thùy Dương	02/09/2009	10A15	4.90	2.5	7.4	7.8	0.3	3.75	2.6	6.65						7.00	3	10	6.50	2.5	9	4.75	2	6.75	7.00	3	10		
670	000636	Lâm Gia Huy	22/01/2009	10A15	2.75	1.5	4.25	5	0.5	4.50	2	7						5.25	3	8.25	6.50	1.75	8.25	4.85	1.5	6.35	4.25	2.75	7		
671	000640	Nguyễn Thành Tài	22/10/2008	10A15	4.40	2.5	6.9	5.8	0.4	3.90	2.1	6.4						6.75	2.6	9.35	6.00	2	8	5.10	2	7.1	3.50	2.75	6.25		
672	000649	Trần Thị Quỳnh Như	04/12/2009	10A15	4.20	3	7.2	5.3	0.5	3.90	2.2	6.6						6.50	3	9.5	5.75	2.75	8.5	3.70	2	5.7	5.25	2.75	8		
673	000661	Phạm Đào Minh Thư	15/04/2009	10A15	4.10	3	7.1	5	0.5	4.05	2.5	7.05						5.50	2.5	8	7.00	2	9	4.20	2.25	6.45	7.00	2.75	9.75		
674	000664	Lê Nguyễn Ngọc Ánh	17/11/2009	10A15	3.25	2.5	5.75	5.5	0.4	4.80	3	8.2						6.25	3	9.25	6.00	2.5	8.5	4.60	1	5.6	7.00	2.75	9.75		
675	000665	Phạm Ngọc Tiến Đạt	28/10/2009	10A15	2.85	1.5	4.35	4.5	0.5	4.80	2	7.3						5.00	1.75	6.75	7.00	1.5	8.5	3.75	0.5	4.25	6.75	2.75	9.5		
676	000668	Nguyễn Thu Kim Ngân	12/03/2009	10A15	5.00	2.5	7.5	6.8	0.6	4.20	2.5	7.3						6.75	3	9.75	5.75	2.75	8.5	5.50	1.75	7.25	6.75	2.25	9		
677	000669	Nguyễn Ngọc Vy Oanh	24/03/2009	10A15	3.50	3	6.5	7.5	0.5	3.30	2.4	6.2						6.25	3	9.25	6.50	2.75	9.25	4.75	2.25	7	6.75	3	9.75		
678	000672	Nguyễn Thị Thanh Trúc	23/12/2009	10A15	3.45	2	5.45	6	0.3	5.10	3	8.4						7.00	3	10	6.50	2.5	9	4.25	2.25	6.5	6.75	3	9.75		
679	000679	Phạm Hồng Phong	06/10/2009	10A15	4.80	3	7.8	5.5	0.3	4.20	1.3	5.8						5.75	1.25	7	6.25	1.75	8	5.75	0	5.75	6.25	2.75	9		
680	000680	Vũ Tuấn Thành	01/05/2009	10A15	4.65	3	7.65	5	0.6	5.25	1.7	7.55						6.50	2.25	8.75	6.50	1.5	8	4.25	0	4.25	3.75	0.75	4.5		
681	000683	Nguyễn Đình Ngọc Như Ý	07/10/2009	10A15	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0	Vắng	Vắng	Vắng						Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
682	000686	Nguyễn Minh Hưng	09/12/2009	10A15	3.05	1.5	4.55	5	0.3	1.80	1.8	3.9						3.25	2	5.25	4.50	2	6.5	2.50	1.25	3.75	3.00	3	6		
683	000687	Ngô Xuân Lộc	19/06/2009	10A15	4.20	2.5	6.7	6	0.3	4.35	2	6.65						4.75	2	6.75	4.50	1	5.5	3.00	0.5	3.5	2.85	1.5	4.35		
684	000688	Lưu Nguyễn Khánh Ngọc	26/12/2009	10A15	4.00	2.25	6.25	6.5	0.5	3.45	2.4	6.35						6.00	3	9	6.25	2	8.25	4.60	2	6.6	5.60	2.25	7.85		
685	000689	Cao Mạnh Phú	23/12/2009	10A15	4.60	1.5	6.1	7	0.4	3.30	2.2	5.9						4.75	2.5	7.25	4.75	2	6.75	3.75	1.25	5	6.25	3	9.25		
686	000693	Hà Hải Yến	11/06/2009	10A15	3.05	2.5	5.55	5	0.5	3.45	1.9	5.85						7.00	3	10	4.50	2	6.5	5.25	1.25	6.5	5.50	2.5	8		
687	000700	Nguyễn Đoàn Phương Thảo	14/08/2009	10A15	3.50	1.5	5	5.8	0.6	4.50	1.1	6.2						7.00	3	10	7.00	2.75	9.75	4.75	2.25	7	5.75	3	8.75		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú	
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL		TC
688	000702	Nguyễn Tuấn Tú	22/04/2009	10A15	3.40	1.25	4.65	5.3	0.3	3.75	1.2	5.25							3.75	3	6.75	4.25	2	6.25	3.60	2	5.6	4.10	2	6.1	
689	000705	Đặng Thị Diệu Hà	28/10/2009	10A15	4.35	3	7.35	4.8	0.3	3.45	2.1	5.85							6.25	2.75	9	5.75	2	7.75	4.75	1.5	6.25	4.25	2.75	7	
690	000708	Nguyễn Bảo Ngọc	16/10/2009	10A15	3.30	2	5.3	4.5	0.4	2.70	0.1	3.2							4.00	2	6	5.25	1.75	7	4.25	1.75	6	3.60	0.75	4.35	
691	000711	Lê Hoàng Bảo Thy	29/10/2009	10A15	3.50	2	5.5	5.3	0.3	3.75	2.5	6.55							6.75	3	9.75	4.75	2.5	7.25	4.50	2	6.5	4.75	3	7.75	
692	000712	Nguyễn Đức Minh Tuấn	20/03/2009	10A15	3.80	3	6.8	4.8	0.4	5.25	2.9	8.55							6.75	3	9.75	6.25	1	7.25	5.00	2	7	5.25	2.5	7.75	
693	000714	Nguyễn Thiên Bảo	15/05/2009	10A15	3.30	3	6.3	6.5	0.1	3.45	1.4	4.95							5.75	2.5	8.25	5.25	2.25	7.5	4.50	1.75	6.25	6.00	2.75	8.75	
694	000724	Phạm Gia Bảo	08/05/2009	10A15	5.50	3	8.5	5.8	0.2	4.65	2.5	7.35							6.00	3	9	5.25	1.5	6.75	5.25	0.5	5.75	6.00	2.5	8.5	
695	000730	Phạm Thanh Thảo	01/06/2009	10A15	4.40	3	7.4	8	0.4	4.50	2.6	7.5							7.00	3	10	7.00	2	9	5.00	2	7	7.00	2.75	9.75	
696	000733	Tạ Thị Minh Yến	17/04/2009	10A15	3.75	3	6.75	7	0.4	3.45	2.4	6.25							6.75	3	9.75	6.75	2	8.75	5.00	2	7	7.00	2.75	9.75	
697	000742	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	31/08/2009	10A15	4.00	3	7	6.8	0.4	5.40	3	8.8							6.50	3	9.5	6.50	2.5	9	5.75	2.25	8	7.00	2.75	9.75	
698	000515	Nguyễn Thanh Bình	11/07/2009	10A16	3.10	2.5	5.6	4	0.3	3.45	0.2	3.95							4.75	2.5	7.25	3.25	1.75	5	2.50	0.75	3.25	3.00	1.25	4.25	
699	000524	Nguyễn Ngọc An	20/10/2009	10A16	2.85	2.5	5.35	6.5	0.6	4.05	1.8	6.45							5.00	2.25	7.25	4.50	2.5	7	3.60	1.25	4.85	4.25	2.5	6.75	
700	000526	Đỗ Nguyễn Ngọc Hân	27/06/2009	10A16	4.00	3	7	6.5	0.6	2.85	1.7	5.15							5.75	3	8.75	5.00	1.5	6.5	4.50	2	6.5	5.75	3	8.75	
701	000535	Đào Minh Châu	17/12/2009	10A16	4.40	3	7.4	6	0.5	3.90	1.7	6.1							6.00	3	9	5.75	2	7.75	3.25	2	5.25	6.50	2	8.5	
702	000536	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	21/04/2009	10A16	5.30	3	8.3	7.3	0.6	4.80	3	8.4							4.75	1.5	6.25	5.00	2	7	4.35	2	6.35	4.75	1.5	6.25	
703	000547	Cao Ngọc Bảo Khuyên	19/03/2009	10A16	3.95	3	6.95	5	0.7	5.70	1.3	7.7							4.25	2.5	6.75	4.50	1.5	6	3.75	1.25	5	4.50	1.5	6	
704	000553	Bùi Ngọc Trúc Vân	20/02/2009	10A16	3.50	2.5	6	7.3	0.6	3.45	2.6	6.65							3.75	2.25	6	4.50	1.25	5.75	4.25	2	3.1	5.00	1.5	6.5	VPQCT
705	000554	Lâm Quỳnh Anh	16/11/2009	10A16	3.25	3	6.25	7.8	0.6	3.90	2.9	7.4							5.50	2.75	8.25	5.00	1.5	6.5	4.35	1.25	2.8	5.50	2.75	8.25	VPQCT
706	000555	Trần Quốc Chiến	09/07/2009	10A16	4.15	2.5	6.65	7.3	0.4	3.90	2.5	6.8							5.50	3	8.5	5.75	2	7.75	4.50	2.25	6.75	4.50	2.25	6.75	
707	000556	BÙI THẾ HIỂN	24/03/2009	10A16	3.40	3	6.4	6.3	0.8	3.15	2.9	6.85							4.75	1.75	6.5	3.25	1.75	5	4.00	0	4	2.50	1.5	4	
708	000560	Lê Bảo Quyên	06/10/2009	10A16	3.30	2.5	5.8	7.5	0.3	3.90	2.8	7							4.75	2	6.75	3.00	2	5	3.50	2	5.5	4.00	2.75	6.75	
709	000564	Lý Hoài Huỳnh Anh	09/07/2009	10A16	4.30	2.75	7.05	4.5	0.7	4.20	2.3	7.2							5.50	3	8.5	5.75	2	7.75	4.25	2.25	6.5	3.75	0.5	4.25	
710	000565	Nguyễn Phan Duy Cường	28/03/2009	10A16	4.50	3	7.5	6	0.7	4.50	2.5	7.7							6.25	3	9.25	5.00	2.25	7.25	4.50	2	6.5	6.75	3	9.75	
711	000567	Nguyễn Tấn Kiệt	13/08/2009	10A16	4.00	3	7	4.5	0.7	3.75	1.4	5.85							5.00	1.5	6.5	4.25	1.25	5.5	2.75	1	3.75	3.50	1.75	5.25	
712	000569	Tô Ngọc Xuân Nhi	06/11/2009	10A16	3.65	2.5	6.15	6.3	0.5	4.65	0.6	5.75							5.25	1.25	6.5	5.25	1	6.25	4.75	1.5	6.25	5.50	1.5	7	
713	000571	Nguyễn Hoàng Gia Thịnh	29/07/2009	10A16	3.7	0	3.7	5	0.9	5.6	0.1	6.6							3.50	1.5	5	2.50	0	2.5	2.50	0	2.5	2.50	0	2.5	
714	000579	Đào Nguyễn Quỳnh Như	16/11/2009	10A16	3.25	2.5	5.75	5.8	0.5	4.05	2.1	6.65							5.00	0.75	5.75	5.00	1.75	6.75	4.60	0.25	4.85	4.25	2.25	6.5	
715	000587	Nguyễn Tuấn Kiệt	09/10/2009	10A16	4.00	3	7	7	0.4	5.55	3	8.95							6.50	2	8.5	6.75	2.5	9.25	4.60	2	6.6	6.75	3	9.75	
716	000590	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	25/08/2008	10A16	3.45	3	6.45	5.5	0.5	4.05	1.8	6.35							4.75	2.5	7.25	3.25	2	5.25	4.00	1	5	4.75	1.5	6.25	
717	000595	Mai Thị Mỹ Duyên	07/09/2009	10A16	3.10	2.25	5.35	5.8	0.6	4.95	3	8.55							6.50	2.75	9.25	5.25	2	7.25	2.95	2	4.95	5.00	1.5	6.5	
718	000597	Dương Thúy Kiều	15/05/2009	10A16	3.30	2.5	5.8	6.8	0.5	4.50	3	8							6.75	2.5	9.25	5.50	2	7.5	5.25	2	7.25	5.35	3	8.35	
719	000598	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	01/09/2009	10A16	5.40	3	8.4	6.3	0.8	4.05	2.9	7.75							6.00	3	9	6.75	2	8.75	5.25	2	7.25	5.25	2.5	7.75	
720	000615	Đoàn Trần Hải Dương	25/02/2009	10A16	3.70	2.5	6.2	4.5	0.7	3.90	2.3	6.9							5.75	1.75	7.5	5.50	1.5	7	5.25	0.5	5.75	5.00	1.75	6.75	
721	000618	Hà Ngọc Kim Ngân	23/08/2009	10A16	3.80	3	6.8	5.5	0.4	3.15	2.1	5.65							6.25	2.75	9	5.75	1.5	7.25	2.75	1.75	4.5	3.25	1.5	4.75	
722	000619	Nguyễn Hoàng Yến Như	22/05/2009	10A16	3.50	1.75	5.25	5.3	0.3	4.95	2.9	8.15							5.50	0.5	6	2.25	0	2.25	3.00	0.25	3.25	3.85	1.5	5.35	
723	000623	Lê Thanh Vy	30/08/2009	10A16	3.25	3	6.25	5.8	0.5	2.70	2.2	5.4							3.25	2	5.25	5.50	1.5	7	2.25	1.5	3.75	4.75	1.5	6.25	
724	000631	Lý Minh Thư	21/06/2009	10A16	4.70	3	7.7	5.3	0.2	4.05	2.2	6.45							5.75	3	8.75	6.00	2	8	4.10	2	6.1	4.50	2.25	6.75	
725	000646	Lê Trần Gia Huy	02/01/2009	10A16	2.65	2.5	5.15	5.8	0.4	4.80	2.4	7.6							3.25	3	6.25	5.25	2	7.25	4.50	2	6.5	5.50	2.5	8	
726	000658	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	15/06/2009	10A16	4.90	3	7.9	6.8	0.7	4.65	2.2	7.55							6.50	3	9.5	5.00	2	7	5.00	2	7	6.25	2	8.25	
727	000666	Phùng Anh Huy	18/02/2009	10A16	3.00	2.5	5.5	5.8	0.8	4.65	2.4	7.85							5.75	3	8.75	5.00	2.5	7.5	4.25	1.5	5.75	6.25	2.75	9	
728	000673	Trần Bảo Vy	29/03/2009	10A16	3.65	2.5	6.15	6.3	0.5	4.05	1.3	5.85							5.25	3	8.25	4.50	2	6.5	4.50	1.5	6	3.75	3	6.75	
729	000674	Phan Ngọc Ánh	27/02/2008	10A16	3.65	2.5	6.15	6.8	0.7	4.65	3	8.35							6.00	2.75	8.75	4.75	2.5	7.25	5.00	1.5	6.5	5.25	2.25	7.5	
730	000675	Bùi Hải Đăng	13/12/2009	10A16	3.70	3	6.7	4.8	0.8	5.10	2.2	8.1							5.50	1.25	6.75	5.00	1.75	6.75	3.85	1.25	5.1	6.50	3	9.5	
731	000684	Bùi Dương Bảo Ân	27/09/2009	10A16	3.70	2.5	6.2	6.8	0.4	4.05	2.6	7.05							6.50	3	9.5	5.75	2.25	8	4.10	1.75	5.85	6.75	3	9.75	
732	000699	Lê Thiên Phú	06/09/2009	10A16	4.85	2	6.85	5	0.4	4.65	3	8.05							5.75	3	8.75	6.50	2.5	9	3.70	2	5.7	6.25	2.25	8.5	
733	000703	Lê Hoàng Hải Yến	27/10/2009	10A16	5.20	2.5	7.7	5	0.5	4.20	2.5	7.2							6.50	3	9.5	6.25	2	8.25	4.60	2	6.6	5.50	3	8.5	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	
734	000704	Lương Gia Bảo	09/12/2009	10A16	3.60	2.75	6.35	5.3	0.6	2.85	2.6	6.05				4.25	3	7.25	4.75	2	6.75	3.70	2	5.7	3.00	1.75	4.75			
735	000716	Nguyễn Minh Khang	30/10/2009	10A16	3.40	2	5.4	5	0.3	4.20	2.6	7.1				3.75	2.25	6	3.50	1.5	5	3.50	1.5	5	3.00	1.5	4.5			
736	000717	Nguyễn Khánh Ly	02/11/2009	10A16	3.05	3	6.05	6.5	0.3	3.60	2.9	6.8				4.75	1.75	6.5	6.25	0.75	7	4.10	2	6.1	3.50	2.75	6.25			
737	000720	Nguyễn Vũ Phương Thảo	23/12/2009	10A16	2.70	2.5	5.2	5	0.3	4.05	2.7	7.05				3.50	3	6.5	4.75	1	5.75	4.00	0.75	4.75	2.75	2.25	5			
738	000721	Nguyễn Bảo Thy	20/07/2009	10A16	3.50	2.25	5.75	7	0.3	4.35	2.5	7.15				5.75	2.5	8.25	5.75	2	7.75	6.25	2	8.25	6.50	3	9.5			
739	000728	Phạm Trường Nhân	07/07/2008	10A16	4.20	2.5	6.7	5	0.5	3.75	2.2	6.45				5.50	2.5	8	6.00	2.5	8.5	4.10	2	6.1	6.00	3	9			
740	000729	Thái Song Phúc	24/07/2009	10A16	5.30	3	8.3	7	0.6	4.35	2.6	7.55				6.50	3	9.5	6.50	2.25	8.75	4.75	2.25	7	6.25	3	9.25			
741	000738	Lưu Thị Yến Nhi	10/02/2009	10A16	2.90	2.5	5.4	6.5	0.5	4.35	2.9	7.75				6.00	2.5	8.5	6.00	1.25	7.25	4.50	2	6.5	5.00	2.75	7.75			
742	000739	Đình Vũ Hoàng Phụng	19/08/2009	10A16	3.30	3	6.3	4	0.5	4.35	2.8	7.65				4.75	1.75	6.5	4.00	1.5	5.5	3.25	2	5.25	2.35	1.75	4.1			